

Số: 1511/QĐ-UBND

Cầu Kè, ngày 16 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẦU KÈ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đình chính Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số khoản tại Điều 1 Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn

huyện Cầu Kè; Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh một số khoản tại Điều 1 Quyết định số 237/QĐ-UBND;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Cầu Kè tại Tờ trình số 111 /TTr-PKT ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè, cụ thể như sau:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, bao gồm:

1.1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 01/PA-HĐBT ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (nếu có).

1.2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản kèm theo phương án bồi thường số 01/PA-HĐBT ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè (421 phương án chi tiết) theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Stt	Loại đất	Vị trí	Đơn giá đất theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 (đ/m ²)	Đơn giá đất cụ thể (đ/m ²)
A. Đường Nguyễn Văn Trỗi (bao gồm các thửa đất thuộc hành lang an toàn đường giao thông)				
1	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 1, giáp hai mặt đường: đường Nguyễn Văn Trỗi và đường tránh Quốc lộ 54 (thửa 298, 299 tờ 116; thửa 536 tờ 115)	280.000	6.090.000

Stt	Loại đất	Vị trí	Đơn giá đất theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 (đ/m ²)	Đơn giá đất cụ thể (đ/m ²)
		Vị trí 1, giáp hai mặt đường: đường Nguyễn Văn Trỗi và đường bê tông (thửa 326 tờ 131) và các thửa đất Vị trí 1, giáp đường Nguyễn Văn Trỗi	280.000	2.136.000
2	Đất ở tại đô thị	Vị trí 1, giáp đường Nguyễn Văn Trỗi (từ đường 30/4 (Chùa Vạn Niên Phong Cung) đến đường tránh Quốc lộ 54)	2.000.000	5.540.000
3	Đất tôn giáo, đất tín ngưỡng	Vị trí 1, giáp đường Nguyễn Văn Trỗi (từ đường 30/4 (Chùa Vạn Niên Phong Cung) đến đường tránh Quốc lộ 54)	1.100.000	3.047.000
B. Đường Nguyễn Hòa Luông (bao gồm các thửa đất thuộc hành lang an toàn đường giao thông)				
1	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 1, giáp hai mặt đường: đường Nguyễn Hòa Luông và đường 30/4 (thửa 168, 169, 173 tờ 106) và các thửa đất Vị trí 1, giáp đường 30/4 (cùng chủ sử dụng với thửa đất giáp hai mặt đường gồm thửa 171, 172 tờ 106; thửa 488, 493 tờ 109)	280.000	5.868.000

Stt	Loại đất	Vị trí	Đơn giá đất theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 (đ/m ²)	Đơn giá đất cụ thể (đ/m ²)
		Vị trí 1, giáp hai mặt đường: đường Nguyễn Hòa Luông và đường vào Trung tâm bồi dưỡng chính trị; đường Nguyễn Hòa Luông và đường nhựa; đường Nguyễn Hòa Luông và đường bê tông và các thửa đất Vị trí 1, giáp đường Nguyễn Hòa Luông	280.000	2.127.000
2	Đất ở tại đô thị	Vị trí 1, giáp hai mặt đường: đường Nguyễn Thị Út (từ Cổng Lương thực cũ đến đường Nguyễn Hòa Luông) và đường Nguyễn Hòa Luông (từ Quốc lộ 54 đến giáp ranh xã Hòa Ân) thửa 654 tờ 108	=2.000.000*1,2= 2.400.000 (theo khoản 3, điều 8 Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 14/7/2023)	6.536.000
		Vị trí 1, giáp đường Nguyễn Hòa Luông (từ Quốc lộ 54 đến giáp ranh xã Hòa Ân)	1.500.000	5.162.000
3	Đất tôn giáo, đất tín ngưỡng	Vị trí 1, giáp đường Nguyễn Hòa Luông (từ Quốc lộ 54 đến giáp ranh xã Hòa Ân)	825.000	2.839.100
4	Đất nghĩa trang	Vị trí 1, giáp đường Nguyễn Hòa Luông (từ Quốc lộ 54 đến giáp ranh xã Hòa Ân)	825.000	2.839.100

Stt	Loại đất	Vị trí	Đơn giá đất theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 (đ/m ²)	Đơn giá đất cụ thể (đ/m ²)
C. Đường N1 - Tuyến chính				
1	Đất trồng lúa	Vị trí 1, giáp đường bê tông	250.000	1.219.000
2	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 1, giáp hai mặt đường: đường D7 và đường bê tông (thửa 224, 236 tờ 114)	280.000	2.015.000
		Vị trí 1, giáp đường bê tông	280.000	1.223.000
		Vị trí 1, không giáp đường bê tông	280.000	421.000
		Vị trí 2	165.000	300.000
3	Đất ở tại đô thị	Vị trí 4, đường D7 (từ đường 30/4 đến giáp ranh xã Hòa Ân)	450.000	1.989.000
D. Đường N1 - Tuyến nhánh (bao gồm các thửa đất thuộc hành lang an toàn đường giao thông)				
1	Đất trồng lúa	Vị trí 1, giáp đường Hai Bà Trưng	250.000	1.411.000
2	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 1, giáp hai mặt đường: đường Hai Bà Trưng và đường 30/4	280.000	6.090.000
		Vị trí 1, giáp đường Hai Bà Trưng	280.000	1.585.000

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Phòng Kinh tế xã Cầu Kè phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

2. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các phòng/ban phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định và gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có); thực hiện việc bồi

thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu kiểm kê, các thông tin về người bị thiệt hại, tính hợp pháp của đất đai, tài sản được bồi thường hoặc không được bồi thường và các chính sách hỗ trợ.

3. Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) có trách nhiệm phối hợp đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định./. *Qu*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND xã Cầu Kè;
- Kho bạc Nhà nước KV XIX - (Phòng giao dịch số 20 (q/hệ thực hiện);
- BQL Giao thông tỉnh Vĩnh Long;
- Trung tâm PTQĐKV3;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Lam

Số: 111/TTr-PKT

Cầu Kè, ngày 15 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Cầu Kè.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số khoản tại Điều 1 Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè; Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh một số khoản tại Điều 1 Quyết định số 237/QĐ-UBND;

Theo Công văn số 05/HĐBT ngày 29 tháng 10 năm 2025 và Công văn số 12/HĐBT ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về việc áp dụng giá đất cụ thể trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Tờ trình số 02/TTr-HĐBT ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc phê duyệt Phương án bồi thường số

01/PA-HĐBT ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè và Biên bản số ngày 12 tháng 12 năm 2025 về việc thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ điểm 3, khoản 15, Điều 1, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; trên cơ sở đó, Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị phường Long Đức đã thẩm định đơn giá đất cụ thể làm cơ sở để tính tiền bồi thường và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè, cụ thể như sau:

1. Về đơn giá đất cụ thể làm cơ sở để tính tiền bồi thường thực hiện dự án Lắp đặt hệ thống thoát nước và lát gạch vỉa hè đường Bạch Đằng (đoạn từ Chu Văn An đến Cầu Tréo):

Stt	Loại đất	Vị trí	Đơn giá đất theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 (đ/m ²)	Đơn giá đất cụ thể (đ/m ²)
A. Đường Nguyễn Văn Trỗi (bao gồm các thửa đất thuộc hành lang an toàn đường giao thông)				
1	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 1, giáp hai mặt đường: đường Nguyễn Văn Trỗi và đường tránh Quốc lộ 54 (thửa 298, 299 tờ 116; thửa 536 tờ 115)	280.000	6.090.000
		Vị trí 1, giáp hai mặt đường: đường Nguyễn Văn Trỗi và đường bê tông (thửa 326 tờ 131) và các thửa đất Vị trí 1, giáp đường Nguyễn Văn Trỗi	280.000	2.136.000
2	Đất ở tại đô thị	Vị trí 1, giáp đường Nguyễn Văn Trỗi (từ đường 30/4 (Chùa Vạn Niên Phong Cung) đến	2.000.000	5.540.000

Stt	Loại đất	Vị trí	Đơn giá đất theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 (đ/m ²)	Đơn giá đất cụ thể (đ/m ²)
		đường tránh Quốc lộ 54)		
3	Đất tôn giáo, đất tín ngưỡng	Vị trí 1, giáp đường Nguyễn Văn Trỗi (từ đường 30/4 (Chùa Vạn Niên Phong Cung) đến đường tránh Quốc lộ 54)	1.100.000	3.047.000

B. Đường Nguyễn Hòa Luông (bao gồm các thửa đất thuộc hành lang an toàn đường giao thông)

1	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 1, giáp hai mặt đường: đường Nguyễn Hòa Luông và đường 30/4 (thửa 168, 169, 173 tờ 106) và các thửa đất Vị trí 1, giáp đường 30/4 (cùng chủ sử dụng với thửa đất giáp hai mặt đường gồm thửa 171, 172 tờ 106; thửa 488, 493 tờ 109)	280.000	5.868.000
		Vị trí 1, giáp hai mặt đường: đường Nguyễn Hòa Luông và đường vào Trung tâm bồi dưỡng chính trị; đường Nguyễn Hòa Luông và đường nhựa; đường Nguyễn Hòa Luông và đường bê tông và các thửa đất Vị trí 1, giáp đường Nguyễn Hòa Luông	280.000	2.127.000

Stt	Loại đất	Vị trí	Đơn giá đất theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 (đ/m ²)	Đơn giá đất cụ thể (đ/m ²)
2	Đất ở tại đô thị	Vị trí 1, giáp hai mặt đường: đường Nguyễn Thị Út (từ Cống Lương thực cũ đến đường Nguyễn Hòa Luông) và đường Nguyễn Hòa Luông (từ Quốc lộ 54 đến giáp ranh xã Hòa Ân) thửa 654 tờ 108	=2.000.000*1,2= 2.400.000 (theo khoản 3, điều 8 Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 14/7/2023)	6.536.000
		Vị trí 1, giáp đường Nguyễn Hòa Luông (từ Quốc lộ 54 đến giáp ranh xã Hòa Ân)	1.500.000	5.162.000
3	Đất tôn giáo, đất tín ngưỡng	Vị trí 1, giáp đường Nguyễn Hòa Luông (từ Quốc lộ 54 đến giáp ranh xã Hòa Ân)	825.000	2.839.100
4	Đất nghĩa trang	Vị trí 1, giáp đường Nguyễn Hòa Luông (từ Quốc lộ 54 đến giáp ranh xã Hòa Ân)	825.000	2.839.100
C. Đường N1 - Tuyến chính				
1	Đất trồng lúa	Vị trí 1, giáp đường bê tông	250.000	1.219.000
2	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 1, giáp hai mặt đường: đường D7 và đường bê tông (thửa 224, 236 tờ 114)	280.000	2.015.000

Stt	Loại đất	Vị trí	Đơn giá đất theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 (đ/m ²)	Đơn giá đất cụ thể (đ/m ²)
		Vị trí 1, giáp đường bê tông	280.000	1.223.000
		Vị trí 1, không giáp đường bê tông	280.000	421.000
		Vị trí 2	165.000	300.000
3	Đất ở tại đô thị	Vị trí 4, đường D7 (từ đường 30/4 đến giáp ranh xã Hòa Ân)	450.000	1.989.000
D. Đường N1 - Tuyến nhánh (bao gồm các thửa đất thuộc hành lang an toàn đường giao thông)				
1	Đất trồng lúa	Vị trí 1, giáp đường Hai Bà Trưng	250.000	1.411.000
2	Đất trồng cây lâu năm	Vị trí 1, giáp hai mặt đường: đường Hai Bà Trưng và đường 30/4	280.000	6.090.000
		Vị trí 1, giáp đường Hai Bà Trưng	280.000	1.585.000

2. Về Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè:

- Qua kiểm tra hồ sơ Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè phù hợp với quy định.

- Về tuân thủ quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Hội đồng bồi thường áp dụng các chính sách bồi thường, hỗ trợ phù hợp các quy định pháp luật.

- Về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Hội đồng bồi thường đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai lấy ý kiến phương án dự thảo, tổ chức họp lấy ý kiến trực tiếp người bị thiệt hại. Thời gian niêm yết dự thảo phương án bồi thường phù hợp với quy định và đủ cơ sở xem xét phê duyệt.

- Về cơ sở pháp lý phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư: Phương án bồi thường có cơ sở căn cứ lập phương án.

- Nội dung phương án: Phương án bồi thường số 01/PA-HĐBT ngày 15/12/2025 và các Phương án chi tiết kèm Phương án số 01/PA-HĐBT ngày 15/12/2025 thể hiện được nội dung theo quy định lập phương án bồi thường, phù hợp quy định gồm nội dung chính như: Bồi thường về đất, hỗ trợ về đất, hỗ trợ chính sách khác về hỗ trợ vật kiến trúc, chính sách sách hỗ trợ bị mất đất nông nghiệp, chính sách hỗ trợ người có công cách mạng, chính sách bồi thường cây trái hoa màu, vật nuôi...

- Về chi tiết áp giá: Phương án bồi thường có 421 phương án chi tiết bồi thường đúng theo quy định đính kèm.

(Đính kèm Phương án bồi thường số 01/PA-HĐBT ngày 15/12/2025 về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè và 421 phương án chi tiết).

Phòng Kinh tế xã Cầu Kè kính trình Chủ tịch UBND xã Cầu Kè phê duyệt, để tiếp tục các bước triển khai thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng, các phó Trưởng phòng;
- HĐ TĐ giá đất cụ thể xã Cầu Kè;
- Lưu: VT, HSCT.

TRƯỞNG PHÒNG



Lâm Hữu Cầu

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè

Kính gửi: Phòng Kinh tế xã Cầu Kè

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024 QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đình chính Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 sửa đổi, bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019; Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 và Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số khoản tại Điều 1 Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè; Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh một số khoản tại Điều 1 Quyết định số 237/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh kèm theo Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 151/UBND-KTN ngày 10/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất tại địa phương;

Căn cứ Công văn số 369/UBND-NC ngày 17 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc triển khai rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau sáp nhập tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Công văn số 719/UBND-KTN ngày 24/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 576a/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của Chủ tịch UBND xã Cầu Kè về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 681/SXD-QLĐT ngày 07/8/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long về việc hướng dẫn sử dụng đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ bồi thường khi Nhà nước thu

hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh);

Căn cứ Công văn số 972/SNN&MT-QLĐĐ ngày 12/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long về việc áp dụng Văn bản quy phạm pháp luật khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 472/QĐ-BQLGT ngày 03/10/2025 của Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè, hạng mục di dời đường ống cấp nước nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-BDLGT ngày 10/10/2025 của Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè, hạng mục di dời lưới điện nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng;

Căn cứ Công văn số 1096/BQLGT-QLDA3 ngày 15/10/2025 của Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Vĩnh Long về việc cập nhật chi phí cấm cọc GPMB, di dời công trình công cộng vào phương án giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 32/PKT ngày 29/10/2025 của Phòng Kinh tế xã Cầu Kè về việc áp dụng giá đất cụ thể trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Căn cứ Công văn số 05/HĐBT ngày 29/10/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc áp dụng giá đất cụ thể trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Quyết định số 1193a/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Cầu Kè về việc quy định biện pháp, mức hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Danh sách xác nhận thông tin phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân xã Cầu Kè ngày 29/10/2025 để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 33/PKT ngày 03/11/2025 của Phòng Kinh tế xã Cầu Kè về việc cung cấp bảng giá gạo bình quân để phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 06/HĐBT ngày 03/11/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc thống nhất bồi thường đất để lập phương án bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 07/HĐBT ngày 03/11/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc áp dụng hồ sơ đất đai để phục vụ việc tính toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 420/UBND-KT ngày 03/11/2025 của UBND xã Cầu Kè về việc xác định các trường hợp có đủ điều kiện cấp GCNQSD đất để làm cơ sở tính toán bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 09/HĐBT ngày 03/11/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc cập nhật chi phí cầm cọc GPMB, di dời công trình công cộng vào phương án giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Danh sách điều chỉnh xác nhận thông tin phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân xã Cầu Kè ngày 20/11/2025 để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Danh sách điều chỉnh xác nhận thông tin phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân xã Cầu Kè ngày 25/11/2025 để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 10/HĐBT ngày 01/12/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc áp dụng hồ sơ đất đai (điều chỉnh, bổ sung) để phục vụ việc tính toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 11/HĐBT ngày 03/12/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc áp dụng hồ sơ đất đai (bổ sung) để phục vụ việc tính toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 961/UBND-KT ngày 03/12/2025 của UBND xã Cầu Kè về việc xác định các trường hợp có đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (sau khi điều chỉnh hồ sơ đất) để làm cơ sở tính toán bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 38/PKT ngày 03/12/2025 của Phòng Kinh tế xã Cầu Kè về việc áp dụng giá đất cụ thể trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Căn cứ Công văn số 12/HĐBT ngày 03/12/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc áp dụng giá đất cụ thể trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè.

Đến nay Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã đầy đủ cơ sở pháp lý để thẩm định, phê duyệt theo quy định. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 87 Luật Đất đai năm 2024 và Điều 3 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Hội đồng bồi thường thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè kính trình Hội đồng thẩm định phương án, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xem xét thẩm định và trình UBND xã Cầu Kè phê duyệt, để có cơ sở tổ chức thực hiện.

(Đính kèm Phương án 01/PA-HĐBT ngày 15/12/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kính trình./.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Hội đồng BTHT-TĐC;
- BQL Giao thông tỉnh Vĩnh Long;
- Trung tâm PTQĐ KV3;
- Lưu: VT, HSCT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ
Phạm Thanh Toàn

Số: 01/PA-HĐBT

Cầu Kè, ngày 15 tháng 12 năm 2025

PHƯƠNG ÁN

Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA PHƯƠNG ÁN

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024 QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi; bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 13/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 sửa đổi, bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019; Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 và Quyết định số 29/2020/QĐ-

UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số khoản tại Điều 1 Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè; Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh một số khoản tại Điều 1 Quyết định số 237/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh kèm theo Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 3231/QĐ-UBND ngày 26/10/2024 của Chủ tịch UBND Cầu Kè về việc phê duyệt hồ sơ kỹ thuật cấm cọc giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 151/UBND-KTN ngày 10/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất tại địa phương;

Căn cứ Công văn số 369/UBND-NC ngày 17 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc triển khai rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau sáp nhập tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Công văn số 719/UBND-KTN ngày 24/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 576a/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của Chủ tịch UBND xã Cầu Kè về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 681/SXD-QLĐT ngày 07/8/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long về việc hướng dẫn sử dụng đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh);

Căn cứ Công văn số 972/SNN&MT-QLĐĐ ngày 12/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long về việc áp dụng Văn bản quy phạm pháp luật khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 472/QĐ-BQLGT ngày 03/10/2025 của Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè, hạng mục di dời đường ống cấp nước nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-BDLGT ngày 10/10/2025 của Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè, hạng mục di dời lưới điện nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng;

Căn cứ Công văn số 1096/BQLGT-QLDA3 ngày 15/10/2025 của Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Vĩnh Long về việc cập nhật chi phí cấm cọc GPMB, di dời công trình công cộng vào phương án giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 32/PKT ngày 29/10/2025 của Phòng Kinh tế xã Cầu Kè về việc áp dụng giá đất cụ thể trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Căn cứ Công văn số 05/HĐBT ngày 29/10/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc áp dụng giá đất cụ thể trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Quyết định số 1193a/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Cầu Kè về việc quy định biện pháp, mức hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Danh sách xác nhận thông tin phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân xã Cầu Kè ngày 29/10/2025 để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 33/PKT ngày 03/11/2025 của Phòng Kinh tế xã Cầu Kè về việc cung cấp bảng giá gạo bình quân để phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 06/HĐBT ngày 03/11/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc thống nhất bồi thường đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 07/HĐBT ngày 03/11/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc áp dụng hồ sơ đất đai để phục vụ việc tính toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 420/UBND-KT ngày 03/11/2025 của UBND xã Cầu Kè về việc xác định các trường hợp có đủ điều kiện cấp GCNQSD đất để làm cơ sở tính toán bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 09/HĐBT ngày 03/11/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc cập nhật chi phí cầm cọc GPMB, di dời công trình công cộng vào phương án giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Danh sách điều chỉnh xác nhận thông tin phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân xã Cầu Kè ngày 20/11/2025 để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Danh sách điều chỉnh xác nhận thông tin phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân xã Cầu Kè ngày 25/11/2025 để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 10/HĐBT ngày 01/12/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc áp dụng hồ sơ đất đai (điều chỉnh, bổ sung) để phục vụ việc tính toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 11/HĐBT ngày 03/12/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc áp dụng hồ sơ đất đai (bổ sung) để phục vụ việc tính toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 961/UBND-KT ngày 03/12/2025 của UBND xã Cầu Kè về việc xác định các trường hợp có đủ điều kiện cấp GCNQSD đất (sau khi điều chỉnh hồ sơ đất) để làm cơ sở tính toán bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè;

Căn cứ Công văn số 38/PKT ngày 03/12/2025 của Phòng Kinh tế xã Cầu Kè về việc áp dụng giá đất cụ thể trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Căn cứ Công văn số 12/HĐBT ngày 03/12/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc áp dụng giá đất cụ thể trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

- * **Tên dự án:** Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè.
- * **Địa điểm thực hiện:** Ấp 1, 2, 3, 6 xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long.
- * **Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Vĩnh Long.
- * **Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách tỉnh.
- * **Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2025 - 2028.

Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè được lập theo những nội dung quy định tại Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Tổng diện tích đất thu hồi, diện tích từng loại đất thu hồi

Tổng diện tích đất thu hồi là **20.672,3 m²**, cụ thể:

* Đường Nguyễn Văn Trỗi

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.073,5	
2	Đất ở tại đô thị	ODT	382,9	
3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	92,8	
4	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	42,6	
Tổng cộng			3.591,8	

* Đường Nguyễn Hòa Luông

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.402,7	
2	Đất ở tại đô thị	ODT	104,3	
3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,7	
4	Đất giao thông	DGT	5,2	
5	Đất nghĩa trang	NTD	440,4	
Tổng cộng			5.957,3	

* Đường N1 - Tuyến chính

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.042,0	
2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	2.002,7	
3	Đất ở đô thị	ODT	30,9	
Tổng cộng			6.075,6	

*** Đường N1 - Tuyến nhánh**

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.292,1	
2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	398,6	
3	Đất giáo dục	DGD	356,9	
Tổng cộng			5.047,6	

2. Tổng số người có đất thu hồi

Tổng số chủ sử dụng bị thiệt hại trong khu vực giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: 412 hộ gia đình, cá nhân, 03 tổ chức và 02 cơ sở tôn giáo. Trong đó:

- 375 hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi được bồi thường.
- 05 hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi nhưng không bồi thường.
- 09 hộ cá nhân không có đất bị thu hồi nhưng bị thiệt hại tài sản trên đất người khác.
- 23 hộ cá nhân không có đất bị thu hồi nhưng bị thiệt hại tài sản trên đất Nhà nước quản lý.
- 03 tổ chức: UBND xã Cầu Kè quản lý, Hội Y Học Dân Tộc (hiện trạng UBND xã Cầu Kè quản lý), Trường Tiểu học thị trấn Cầu Kè (hiện trạng Ban nhân dân Ấp 6 sử dụng).
- 02 cơ sở tôn giáo: Chùa Hòa Bình, Chùa Vạn Hòa.

2.1 Đường Nguyễn Văn Trỗi

- 141 hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi được bồi thường.
- 02 hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi nhưng không bồi thường.
- 04 hộ cá nhân không có đất bị thu hồi nhưng bị thiệt hại tài sản trên đất người khác.
- 07 hộ cá nhân không có đất bị thu hồi nhưng bị thiệt hại tài sản trên đất Nhà nước quản lý.

- 02 tổ chức: UBND xã Cầu Kè quản lý, Hội Y Học Dân Tộc (hiện trạng UBND xã Cầu Kè quản lý).

- 01 cơ sở tôn giáo: Chùa Hòa Bình.

2.2 Đường Nguyễn Hoà Luông

- 127 hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi được bồi thường.
- 03 hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi nhưng không bồi thường.
- 05 hộ cá nhân không có đất bị thu hồi nhưng bị thiệt hại tài sản trên đất người khác.

- 16 hộ cá nhân không có đất bị thu hồi nhưng bị thiệt hại tài sản trên đất Nhà nước quản lý.

- 01 tổ chức: UBND xã Cầu Kè quản lý.

- 01 cơ sở tôn giáo: Chùa Vạn Hòa.

2.3 Đường N1 - Tuyến chính

- 53 hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi được bồi thường.

2.4 Đường N1 - Tuyến nhánh

- 54 hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi được bồi thường.

- 01 tổ chức: Trường Tiểu học thị trấn Cầu Kè (hiện trạng Ban nhân dân Ấp 6 sử dụng).

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

3.1. Hỗ trợ bằng tiền:

- Số hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ: 43 hộ. (trong đó: Đường Nguyễn Hoà Luông 10 hộ, Đường N1 – Tuyến chính 15 hộ, Đường N1 - Tuyến nhánh 18 hộ)

- Theo Điều 11 tại Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 12/09/2024 của UBND tỉnh Trà Vinh.

- Mức hỗ trợ: Bằng 02 (hai) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất kèm theo Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019; Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 và Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

3.2. Hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Theo phương án được duyệt (nếu có).

4. Phương án bố trí tái định cư: Theo phương án được duyệt (nếu có).

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Trong phạm vi thu hồi đất có 08 mộ của Đường Nguyễn Hoà Luông (03 mộ đất, 04 mộ xây gạch, trát vữa quét vôi, 01 mộ xây gạch, ốp gạch men)

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Trong phạm vi thu hồi đất có di dời đường ống cấp nước và di dời lưới điện nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng (theo Quyết định số 472/QĐ-BQLGT ngày 03/10/2025 của Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 551/QĐ-BDLGT ngày 10/10/2025 của Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Vĩnh Long; Công văn số 1096/BQLGT-QLDA3 ngày 15/10/2025 tỉnh Vĩnh Long; Công văn số 09/HĐBT ngày 03/11/2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)

7. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 58.649.643.814 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi ba ngàn, tám trăm mười bốn đồng). Trong đó:

STT	CÁC KHOẢN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TRỖI	ĐƯỜNG NGUYỄN HOÀ LUÔNG	ĐƯỜNG N1 – TUYẾN CHÍNH	ĐƯỜNG N1 – TUYẾN NHÁNH	THÀNH TIỀN (Đơn vị tính: VNĐ)
I	Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (I=1+2+3+4)	13.224.706.140	19.360.388.043	10.197.984.250	12.336.203.481	55.119.281.914
1	Tiền bồi thường về đất	8.038.145.000	12.098.774.400	6.330.100.000	8.249.284.100	34.716.303.500
2	Tiền bồi thường tài sản (2.1+2.2)	892.107.447	548.690.110	291.764.195	338.983.395	2.071.545.147
2.1	Bồi thường nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất	855.713.206	364.268.036	0	0	1.219.981.242
2.2	Bồi thường cây trồng, vật nuôi	36.394.241	184.422.074	291.764.195	338.983.395	851.563.905
3	Tiền bồi thường chi phí di chuyển tài sản	75.125.000	169.000.000	106.812.500	194.000.000	544.937.500
4	Tiền hỗ trợ (4.1+4.2+4.3)	4.219.328.693	6.543.923.533	3.469.307.555	3.553.935.986	17.786.495.767
4.1	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0	232.859.200	1.079.603.000	1.049.709.400	2.362.171.600
4.2	Hỗ trợ ổn định đời sống	398.430.000	413.820.000	174.420.000	210.330.000	1.197.000.000
4.3	Hỗ trợ khác (4.3a+4.3b)	3.820.898.693	5.897.244.333	2.215.284.555	2.293.896.586	14.227.324.167
4.3a	Hỗ trợ hộ gia đình cá nhân có tài sản, mồ mã tạo lập trên đất chưa đúng mục đích sử dụng đất và các hộ gia đình, cá nhân có tài sản, mồ mã tạo lập trên đất Nhà nước	3.739.298.693	5.834.844.333	2.205.684.555	2.279.496.586	14.059.324.167
4.3b	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh thuộc diện miễn thuế	81.600.000	62.400.000	9.600.000	14.400.000	168.000.000
II	Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (II=2%*I) (theo khoản 5, Điều 31 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP và khoản 1, Điều 14 Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND tỉnh Trà Vinh)					1.102.385.638
III	Chi phí khác					2.427.976.262
1	Chi phí di dời đường ống cấp nước nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng (theo Quyết định số 472/QĐ-BQLGT ngày 03/10/2025 của Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Vĩnh Long)					931.829.777
2	Chi phí di dời lưới điện nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng (theo Quyết định số 551/QĐ-BDLGT ngày 10/10/2025 của Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Vĩnh Long)					1.152.027.888
3	Chi phí cầm cọc GPMB (theo Quyết định số 3231/QĐ-UBND ngày 26/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè)					344.118.597
	TỔNG CỘNG (I+II+III)					58.649.643.814

(Đính kèm Bảng tổng hợp dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- Dự kiến thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp thẩm quyền phê duyệt, trường hợp hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi đồng thuận sẽ thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sớm hơn thời gian dự kiến.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo quyết định của cấp thẩm quyền.

9. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Phương án chi tiết của hộ gia đình, cá nhân và tổ chức trong phạm vi thực hiện dự án, cụ thể như sau:

Gồm 421 phương án chi tiết (đính kèm bảng dự toán áp giá chi tiết)

10. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp thẩm quyền phê duyệt, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp UBND xã Cầu Kè nơi có đất thu hồi thực hiện (theo quy định tại khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai năm 2024):

+ Phổ biến, niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND xã Cầu Kè nơi có đất thu hồi và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

+ Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Phòng Kinh tế xã Cầu Kè tham mưu UBND xã Cầu Kè ban hành quyết định thu hồi đất theo quy định tại khoản 5 Điều 87 Luật Đất đai năm 2024.

- Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại khoản 3 Điều 94 Luật Đất đai năm 2024 và Điều 25 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ:

+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có hiệu lực thi hành, cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản.

+ Trường hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế hiện hành tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm phê duyệt phương án chi trả bồi thường chậm cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản. Kinh phí chi trả bồi thường chậm được bố trí từ ngân sách của cấp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

+ Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc trường hợp đất thu hồi, tài sản đang có tranh chấp thì tiền bồi thường, hỗ trợ được gửi vào tài khoản tiền gửi của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mở tại ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo lãi suất không kỳ hạn. Tiền lãi từ khoản tiền bồi thường, hỗ trợ được trả cho người có quyền sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản được bồi thường, hỗ trợ.

+ Trường hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải chỉnh sửa, bổ sung mà có nội dung chỉnh sửa về giá đất, giá tài sản thì giá đất, giá tài sản để tính bồi thường được xác định tại thời điểm ban hành quyết định điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp tại thời điểm ban hành quyết định điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà giá đất, giá tài sản thấp hơn so với giá đất, giá tài sản trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt thì áp dụng giá bồi thường trong phương án đã được phê duyệt. Các nội dung được chỉnh sửa, bổ sung mà không phải là giá đất, giá tài sản được áp dụng theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

+ Người sử dụng đất được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất mà chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật thì phải trừ đi khoản tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính vào số tiền được bồi thường để hoàn trả ngân sách nhà nước.

- Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan sau khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ phải có trách nhiệm di dời tất cả nhà, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản có liên quan ra khỏi phạm vi thu hồi đất và bàn giao mặt bằng cho Nhà nước đúng thời gian quy định theo thông báo của cấp có thẩm quyền.

- Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (bản gốc) cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện quản lý, chỉnh lý theo quy định.

- Trường hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất đã được phê duyệt, ban hành đúng trình tự thủ tục và đã thực hiện vận động thuyết phục mà người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không bàn giao đất cho đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì cấp có thẩm quyền thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Điều 89 Luật Đất đai năm 2024.

Trên đây là Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn huyện Cầu Kè của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kính trình Phòng Kinh tế xã Cầu Kè xem xét, quyết định trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Nơi nhận:

- Hội đồng BTHT&TĐC;
- Phòng Kinh tế (để thẩm định);
- BQL Giao thông tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, HSCT.

TM. HỘI ĐỒNG BTHT&TĐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ CẦU KÈ
Phạm Thanh Toàn

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÀI ĐỊNH CƯ
Dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Cầu Kè (Đường N1 - Tuyến nhánh)
(Kèm theo Phương án số 01/PA-HĐBT ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)

Đơn vị tính: VND

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chủ sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ			Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú			
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại					Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
A. HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN						8.249.284.100	0	338.983.395	194.000.000	0	3.553.935.986	12.336.203.481	8.249.284.100	0	12.336.203.481	
1	1	Ông Thạch Sây		Ấp Chông Nổ 1, xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Chông Nổ 1, xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	197.966.500		16.707.353	6.312.500	0	1.739.400	222.725.753	197.966.500	0	222.725.753	
2	2	Bà Lâm Thị Sa Mết	084180013325	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	822.139.500	0	21.094.000	0	0	293.892.000	1.137.125.500	822.139.500	0	1.137.125.500	
3	3	Bà Lâm Thị Sa Mết (thiên trang ông Thạch Phoi sư dung)	084060006771	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	93.356.500		0	0	0	173.711.379	267.067.879	93.356.500	0	267.067.879	ĐT: 0983973117
4	4	Bà Trần Thị Hồng Cúc	084160001612	Ấp 4, Xã Phong Thanh, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, Xã Phong Thanh, tỉnh Vĩnh Long	165.791.000	0	0	0	0	1.710.000	167.501.000	165.791.000	0	167.501.000	ĐT: 0396686833
5	5	Hồ ông Nguyễn Văn Titi	084079012559	Ấp Châu Hưng, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Châu Hưng, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	59.437.500	0	0	0	0	6.840.000	66.277.500	59.437.500	0	66.277.500	ĐT: 0907022984
6	6	Hồ bà Kim Thị Thêm	084157002209	Ấp Chông Nổ 1, xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Chông Nổ 1, xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	222.851.000	0	5.993.800	3.000.000	0	10.260.000	242.104.800	222.851.000	0	242.104.800	ĐT: 0376483870
7	7	Hồ bà Lâm Thị Huệ	084166009565	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	208.586.000		11.128.000	875.000	0	289.441.829	510.030.829	208.586.000	0	510.030.829	ĐT: 0344667629
8	8	Hồ ông Hồ Văn Thi	084070013519	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	340.933.500		13.975.000	4.875.000	0	181.036.760	540.820.260	340.933.500	0	540.820.260	ĐT: 0704934306
9	9	Hồ ông Lưu Hoàng Đình	084062000203	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	216.035.500		0	4.000.000	0	192.177.020	412.212.520	216.035.500	0	412.212.520	ĐT: 0365422573
10	10	Bà Kim Thi Na (thiên trang ông Thạch Như sư dung)	084157002209 ; 084071000284	Ấp Chông Nổ 1, xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long; Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Chông Nổ 1, xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long; Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	248.052.500		6.528.543	5.187.500	0	50.175.500	309.944.043	248.052.500	0	309.944.043	ĐT: 0396489939
11	11	Bà Thạch Thị Suone	084151004998	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	359.002.500		15.704.000	11.500.000	0	135.664.520	521.871.020	359.002.500	0	521.871.020	ĐT: 0356758501
12	12	Hồ ông Kim Sang	084072000324	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	52.305.000	0	7.475.248	8.062.500	0	15.279.570	83.122.318	52.305.000	0	83.122.318	ĐT: 0355030292
13	13	Hồ bà Nguyễn Ngọc Dung (thiên trang bà Nguyễn Thi Thanh Đình sư dung)		Khuôn 10, phường Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 6, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Khuôn 10, phường Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 6, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	384.204.000		32.651.190	30.062.500	0	1.459.600	448.377.290	384.204.000	0	448.377.290	ĐT: 0775774366



TT Họ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chu sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ			Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Chú chú			
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại					Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
14	14	Ông Lâm Sol	084065005644	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	90.820.500	0	0	0	0	32.088.000	122.908.500	90.820.500	0	122.908.500	DT: 0706770507
15	15	Hồ ông Lâm Sol	084065005644	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	157.608.700		2.942.700	10.500.000	0	80.552.630	251.604.030	157.608.700	0	251.604.030	DT: 0706770507
16	16	Hồ ông Nguyễn Đăng Khóa và bà Nguyễn Thị Hồng Thủy	086084002037	Ấp Mỹ Yên, xã Trà Côn, tỉnh Vĩnh Long; Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Mỹ Yên, xã Trà Côn, tỉnh Vĩnh Long; Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	65.619.000	0	0	0	0	3.420.000	69.039.000	65.619.000	0	69.039.000	DT: 0398756097
17	17	Hồ ông Nguyễn Văn Thiền	084036001513	Ấp Cây Gòn, xã Phong Thạnh, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Cây Gòn, xã Phong Thạnh, tỉnh Vĩnh Long	58.803.500		8.511.863	3.125.000	0	87.706.350	158.146.713	58.803.500	0	158.146.713	DT: 0975762555
18	18	Hồ ông Sơn Sô Phách	084069012825	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	410.990.500		25.487.000	10.375.000	0	145.964.010	592.816.510	410.990.500	0	592.816.510	DT: 0775353483
19	19	Bà Thạch Thị Suônê (thiền trang Kim Thi Some sử dụng)	084163010359	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	69.581.500		2.114.000	3.062.500	0	106.684.730	181.442.730	69.581.500	0	181.442.730	DT: 0372549605
20	20	Bà Ngổ Thi Ngọc Luôn	082182016749	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	22.824.000		0	0	0	37.858.230	60.682.230	22.824.000	0	60.682.230	DT: 0974293887
21	21	Ông Hòa Văn Thet	084076011075	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	22.824.000		0	437.500	0	6.783.650	30.045.150	22.824.000	0	30.045.150	DT: 0986963339
22	22	Ông Mai Khoa Đăng	084078006148	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	207.699.200		4.001.183	0	0	10.059.550	221.759.933	207.699.200	0	221.759.933	DT: 0962788369
23	23	Ông Nguyễn Thanh Chung	084083000540	Ấp Trà Ô, Xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Trà Ô, Xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	66.458.100		0	0	0	42.354.340	108.812.440	66.458.100	0	108.812.440	DT: 0985390977
24	24	Ông Nguyễn Văn Truyền	084056005801	Ấp Trà Ô, Xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Trà Ô, Xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	65.470.400	0	435.000	250.000	0	1.710.000	67.865.400	65.470.400	0	67.865.400	DT: 0389436272
25	25	Bà Phan Thị Thanh Thủy (thiền trang bà Phan Thị Trúc Ly sử dùng)	084183000454	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	23.933.500	0	0	0	0		23.933.500	23.933.500	0	23.933.500	DT: 0987300466
26	26	Hồ bà Phan Thị Trúc Ly	084183000454	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	21.873.000		916.000	31.750.000	0	47.769.704	102.308.704	21.873.000	0	102.308.704	DT: 0987300466
27	27	Bà Phan Thị Trúc Ly	084183000454	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	2.377.500	0	0	0	0	0	2.377.500	2.377.500	0	2.377.500	DT: 0987300466
28	28	Bà Trương Thanh Thủy	086182007257	Ấp 1, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	65.188.200	0	3.820.000	0	0	1.710.000	70.718.200	65.188.200	0	70.718.200	DT: 0963444577
29	29	Bà Phan Thị Kim Pha (thiền trang bà Phan Thị Trúc Ly sử dùng)	084183000454	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	23.616.500	0	0	0	0		23.616.500	23.616.500	0	23.616.500	DT: 0987300466
30	30	Ông Phan Thanh Giờng		Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	20.288.000	0	0	0	0	1.710.000	21.998.000	20.288.000	0	21.998.000	

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chu sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú			
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản			Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại					Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	(8)	Cây trồng, vật nuôi	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
32	32	Ông Trần Văn Hải	084064009150	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	23.616.500			59.000		500.000	0	67.356.200	91.531.700	23.616.500	0	91.531.700	DT: 0787816628
33	33	Bà Trần Kiều Phương	084179011365	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	24.250.500			0		4.125.000	0	8.911.840	37.287.340	24.250.500	0	37.287.340	DT: 0365494292
34	34	Bà Diệp Tuyết Trinh	084179011960	Ấp 1, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	47.074.500			642.800		4.375.000	0	36.319.525	88.411.825	47.074.500	0	88.411.825	DT: 0384976739
35	35	Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	084185008330	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	27.579.000	0		0		0	0	1.710.000	29.289.000	27.579.000	0	29.289.000	
36	36	Bà Phạm Thị Thiều	084165007406	Ấp Đinh An, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Đinh An, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	42.636.500	0		0		0	0	1.710.000	44.346.500	42.636.500	0	44.346.500	
37	37	Bà Trần Thị Niêm		Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	58.803.500	0		0		0	0	1.710.000	60.513.500	58.803.500	0	60.513.500	
38	38	Hồ bà Phạm Thị Thủy	084164007580	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	149.624.000			9.472.500		22.875.000	0	109.815.585	291.787.085	149.624.000	0	291.787.085	DT: 0353619929
39	39	Hồ bà Phan Thị Hương	084151005789	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	180.214.500			13.139.500		2.000.000	0	76.615.060	271.969.060	180.214.500	0	271.969.060	DT: 0374275180
40	40	Hồ bà Thạch Thị Sené	084175010096	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	430.563.000			21.975.104		1.937.500	0	205.455.566	659.931.170	430.563.000	0	659.931.170	DT: 0334242521
41	41	Hồ bà Thạch Thị Sô Phi	084179012750	Ấp 5, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 5, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	17.752.000	0		1.820.000		0	0	8.550.000	28.122.000	17.752.000	0	28.122.000	DT: 0764549855
42	42	Hồ ông Nguyễn Bê Tư	084063010840	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	115.071.000			890.000		15.375.000	0	113.274.450	244.610.450	115.071.000	0	244.610.450	DT: 0387987924
43	43	Hồ ông Nguyễn Hoàng Núi	084059002663	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	113.803.000			4.392.000		1.250.000	0	56.413.960	175.858.960	113.803.000	0	175.858.960	DT: 0983131434
44	44	Hồ ông Nguyễn Văn Chên	084049004585	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	151.209.000	0		19.836.042		1.062.500	0	70.512.750	242.620.292	151.209.000	0	242.620.292	DT: 0396500950
45	45	Hồ ông Nguyễn Văn Dai	084068009193	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	264.853.500			7.161.800		2.125.000	0	97.471.418	371.611.718	264.853.500	0	371.611.718	DT: 0368624254
46	46	Hồ ông Nguyễn Văn Tinh	084058004585	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	445.226.500			36.799.777		437.500	0	208.089.750	690.553.527	445.226.500	0	690.553.527	DT: 0827120279
47	47	Hồ ông Thạch Duyên	084066003738	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	764.295.000			19.516.800		250.000	0	195.993.370	980.055.170	764.295.000	0	980.055.170	DT: 0867438949
48	48	Hồ ông Thạch Sane	084054006034	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	273.571.000			19.816.000		500.000	0	97.811.960	391.698.960	273.571.000	0	391.698.960	DT: 0352063734
49	49	Ông Lê Quốc Thắng	084080012371	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	91.296.000			3.785.000		1.187.500	0	106.648.960	202.917.460	91.296.000	0	202.917.460	DT: 0903101403
50	50	Ông Ngô Bình Nguyễn	086085016447	Ấp Phong Thọ, Vùng Liêm, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	58.645.000			0		0	0	75.529.340	134.174.340	58.645.000	0	134.174.340	DT: 0969888717

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chủ sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ			Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuế đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú			
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại					Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
51	51	Ông Nguyễn Hoàng Khia, bà Nguyễn Thu Thao	084091004234	Ấp Hoà An, xã An Phú Tân, Ap 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Hoà An, xã An Phú Tân, Ap 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	42.795.000	0	0	0	0	3.420.000	46.215.000	42.795.000	0	46.215.000	DT: 0387987924
52	52	Ông Nguyễn Ngọc Chuyên	084074004742	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	24.092.000		192.192	2.625.000	0	37.878.920	64.788.112	24.092.000	0	64.788.112	DT: 0938083928
53	53	Ông Thạch Quân	084084004820	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	40.576.000		0	0	0	9.558.560	50.134.560	40.576.000	0	50.134.560	DT: 0357863625
54	54	Ông Trần Thanh Sơn	084079000537	Ấp Bà My, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Bà My, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	41.210.000		0	0	0	1.710.000	42.920.000	41.210.000	0	42.920.000	DT: 0909353366
55	55	Ông Võ Minh Thanh	084090013863	Ấp Trà Diêu, xã Phong Thanh, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Trà Diêu, xã Phong Thanh, tỉnh Vĩnh Long	53.890.000		0	0	0	1.710.000	55.600.000	53.890.000	0	55.600.000	DT: 0763333586
		B. TỐ CHỨC				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
31	31	Trường tiểu học thị trấn Cầu Kè (hiện trạng BND áp 6 sử dụng)		Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:						8.249.284.100	0	338.983.395	194.000.000	0	3.553.935.986	12.336.203.481	8.249.284.100	0	12.336.203.481	

Bảng chữ: Mười hai (12) ba trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm lẻ ba ngàn, bốn trăm tám mươi một đồng.

NGƯỜI LẬP DỰ TOÁN

Kim Duy Khánh

Kim Duy Khánh



BẢNG TỌNG HỢP DỰ TOÁN BÔI THƯỜNG, HỒ TRỢ, TÀI DÍNH CƯ
Dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Cầu Kè (Đường Nguyễn Văn Trỗi)
(Kèm theo Phương án số 01/P4-HĐBT ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)

Đơn vị tính: VNĐ

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồ/Chủ sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ			Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú			
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại					Các khoản hỗ trợ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
		A. HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN				7.770.618.400	855.713.206	36.394.241	50.125.000	0	4.078.670.973	12.791.521.820	7.770.618.400	0	12.791.521.820	
1	1	Hồ ông Lâm Thanh Tân	084071006328	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	121.191.000	0	1.117.000	1.500.000	0	33.517.530	157.325.530	121.191.000	0	157.325.530	DT: 0773966325
2	2	Nguyễn Thị Lý (hiện trưng Hồ ông Lâm Thanh Tân sử dụng)	084071006328	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	219.384.000	0	0	0	0	0	219.384.000	219.384.000	0	219.384.000	DT: 0773966325
3	3	Bà Huỳnh Tô Loan		Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	64.720.800	0	660.000	1.375.000	0	1.710.000	68.465.800	64.720.800	0	68.465.800	DT: 0934040788
4	4	Hồ ông Nguyễn Văn Trí	084071006257	Ấp 1, xã Phong Thanh, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Phong Thanh, tỉnh Vĩnh Long	854.400	0	95.000	5.000.000	0	16.668.000	22.617.400	854.400	0	22.617.400	DT: 0374212177
5	5	Hồ bà Nguyễn Thị Kim Hương	08416700616	Ấp 3, xã Phong Thanh, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Phong Thanh, tỉnh Vĩnh Long	5.126.400	0	0	0	0	5.130.000	10.256.400	5.126.400	0	10.256.400	DT: 0785315311
6	6	Hồ bà Nguyễn Thị Trang	084176010999	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	16.447.200	0	0	0	0	6.840.000	23.287.200	16.447.200	0	23.287.200	DT: 0932031136
7	7	Ông Trần Vũ Hoàng	084082001022	Ấp 3, xã Phong Thanh, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Phong Thanh, tỉnh Vĩnh Long	75.400.800	0	50.000	1.562.500	0	5.444.640	82.457.940	75.400.800	0	82.457.940	DT: 0382045342
8	8	Hồ bà Nguyễn Thị Hiện	084175013307	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	44.001.600	0	0	0	0	13.849.080	57.850.680	44.001.600	0	57.850.680	DT: 0986315578
9	9	Bà Nguyễn Kim Diệu	084170006870	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	47.632.800	0	0	0	0	78.092.720	125.725.520	47.632.800	0	125.725.520	DT: 0777675642
10	10	Ông Nguyễn Văn Minh	084080006462	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	22.000.800	0	0	0	0	16.098.000	38.098.800	22.000.800	0	38.098.800	DT: 0901940481
11	11	Ông Nguyễn Minh Huệ	084054005360	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	21.787.200	0	0	0	0	10.423.300	32.210.500	21.787.200	0	32.210.500	DT: 0766870612
12	12	Hồ bà Nguyễn Thị Nhanh	084173003991	Ấp 5, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 5, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	36.739.200	0	0	8.062.500	0	6.840.000	51.641.700	36.739.200	0	51.641.700	DT: 0939227047
13	13	Ông Trần Văn Tuấn	084075000639	Số 13, Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Số 13, Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	24.991.200	0	0	3.000.000	0	33.122.200	61.113.400	24.991.200	0	61.113.400	DT: 0939604140
14	14	Hồ bà Hồ Thị Mai Xuân	084167003061	ấp Trà Mè, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	ấp Trà Mè, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	111.072.000	0	0	0	0	16.097.250	127.169.250	111.072.000	0	127.169.250	DT: 0939399816
15	15	Bà Trinh Thu Hà	084149004164	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	119.616.000	0	0	0	0	16.496.000	136.112.000	119.616.000	0	136.112.000	



TT Hộ	TT HS	Người có đất thu bớt/Chưa sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Tài sản			Giá trị bồi thường, hỗ trợ			Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Chú chú
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại	Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
16	16	Bà Trần Thị Kiều	084174001432	295/20 Nguyễn Trí Phường, Phường Điền Hồng, Hồ Chí Minh	295/20 Nguyễn Trí Phường, Phường Điền Hồng, Hồ Chí Minh	14.738.400	0	0	0	0	1.710.000	16.448.400	14.738.400	0	16.448.400	DT: 0775845459
17	17	Bà Nguyễn Thị Minh Trang	084183005099	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	120.926.800	0	0	0	0	18.476.400	139.403.200	120.926.800	0	139.403.200	DT: 0981700431
17	17.1	Ông Nguyễn Văn Dũng có tài sản trên đất bà Nguyễn Thị Minh Trang		Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	56.703.150	1.336.000	375.000	0	0	58.414.150	0	0	58.414.150	DT: 079969298
18	18	Bà Lê Thị Phương Dung	084182000099	Ấp Nhon Phú A, xã Nhơn Ai, thành phố Cần Thơ	Ấp Nhon Phú A, xã Nhơn Ai, thành phố Cần Thơ	24.991.200	0	132.000	0	0	1.710.000	26.833.200	24.991.200	0	26.833.200	DT: 0397120555
19	19	Bà Lê Thị Thế Phụng	084153000363	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	23.282.400	0	0	0	0	1.710.000	24.992.400	23.282.400	0	24.992.400	
20	20	Ông Lê Anh Tuấn	084179008723	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	24.991.200	0	0	0	0	1.710.000	26.701.200	24.991.200	0	26.701.200	
21	21	Bà Lê Thị Phương Hồng	084176000455	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	31.612.800	0	0	0	0	1.710.000	33.322.800	31.612.800	0	33.322.800	DT: 0988375472
22	22	Bà Trần Thị Anh	084156000243	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	167.248.800	0	96.000	1.500.000	0	58.621.023	227.465.823	167.248.800	0	227.465.823	DT: 0988375472
23	23	Bà Tống Phương Nam	084177009289	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	45.283.200	0	0	0	0	16.530.000	61.813.200	45.283.200	0	61.813.200	DT: 0857095393
24	24	Bà Huỳnh Hồng Diễm	084175009936	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	61.303.200	0	0	500.000	0	27.041.220	88.844.420	61.303.200	0	88.844.420	DT: 0971414153
25	25	Hồ bà Phan Ngọc Lê	084161007447	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	63.866.400	0	0	0	0	33.437.460	97.303.860	63.866.400	0	97.303.860	DT: 0326061215
26	26	Bà Huỳnh Thị Kim Hoà	084152005846	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	60.876.000	0	663.318	0	0	11.940.350	73.479.668	60.876.000	0	73.479.668	DT: 0971414153
27	27	Hồ ông Phan Tấn Thành	084066005307	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	122.179.200	0	0	0	0	34.430.000	156.609.200	122.179.200	0	156.609.200	DT: 0763120376
28	28	Ông Nguyễn Phước Dien	084089000424	ấp Giồng Nổi, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	ấp Giồng Nổi, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	26.913.600	0	0	0	0	13.995.540	40.909.140	26.913.600	0	40.909.140	DT: 0965826640
29	29	Bà Trương Thị Danh	084152003259	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	128.800.800	0	0	0	0	90.276.477	219.077.277	128.800.800	0	219.077.277	DT: 0794346368
30	30	Ông Phan Công Hoàng	084071007043	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	48.700.800	0	0	125.000	0	74.422.870	123.248.670	48.700.800	0	123.248.670	DT: 0385574151
31	31	Ông Phan Công Hoàng (hiện đang Bà Hồ Thị Mai Xuân sư dụng)	084071007403- 0841670003061	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp Trà Met, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp Trà Met, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long)	13.884.000	0	0	0	0	0	13.884.000	13.884.000	0	13.884.000	DT: 093939816
32	32	Hồ bà Hồ Thị Mai Xuân (hiện đang Bà Bùi Thị Bạch Yến sư dụng)	084167003061- 084189000420	Ấp Trà Met, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp Trà Met, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	16.660.800	0	0	0	0	0	16.660.800	16.660.800	0	16.660.800	DT: 0939149212

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chu sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Tài sản			Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Chú chú
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại	Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)		
33	33	Bà Bùi Thị Bạch Yến	084189000420	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	137.344.800	0	0	0	0	147.943.140	285.287.940	137.344.800	0	285.287.940	DT: 0939149212		
34	34	Bà Dư Kim Xuân	079167034733	Đường, Tò dân phố 22, Khu phố 2, phường Thành Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh	Đường, Tò dân phố 22, Khu phố 2, phường Thành Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh	111.926.400	0	960.000	0	0	1.710.000	114.596.400	111.926.400	0	114.596.400	DT: 0917050050- 0986815817		
35	35	Ông Trần Lý Khanh	084079008255	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	45.496.800	0	2.940.000	0	0	1.710.000	50.146.800	45.496.800	0	50.146.800	DT: 0907802375		
36	36	Hồ ông Nguyễn Thành Trung	084076003007	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	188.395.200	0	2.422.000	62.500	0	38.184.960	229.064.660	188.395.200	0	229.064.660	DT: 0907802375		
37	37	Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa và Bà Lê Ngọc Nhánh	084178009479- 093183005264	Ấp Mỹ Văn, xã Phong Thạnh, tỉnh Vĩnh Long; Ấp Phước Lạc, xã Phước Bình, Cần Thơ	Ấp Mỹ Văn, xã Phong Thạnh, tỉnh Vĩnh Long; Ấp Phước Lạc, xã Phước Bình, Cần Thơ	130.296.000	0	0	0	0	56.903.100	187.199.100	130.296.000	0	187.199.100			
38	38	Ông Phan Vinh Khang và Bà Huỳnh Hồng Lam	092077009443- 084187007403	Số 104/62/159, Trần Xuân Soan, Phước Tân Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	Số 104/62/159, Trần Xuân Soan, Phước Tân Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	38.020.800	0	330.000	0	0	3.420.000	41.770.800	38.020.800	0	41.770.800			
39	39	Ông Nguyễn Tuấn Kiệt	089078002275	371 Đường 30/4 Hưng Lợi, phường Tân An, Tp Cần Thơ	371 Đường 30/4 Hưng Lợi, phường Tân An, Tp Cần Thơ	238.119.000	0	200.000	1.875.000	0	120.935.240	361.129.240	238.119.000	0	361.129.240	DT: 0985589947		
40	40	Ông Trần Hiệp Phát	084057005423	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	150.801.600	0	0	0	0	22.338.000	173.139.600	150.801.600	0	173.139.600	DT: 0906142966		
41	41	Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu	084187014993	Ấp Xóm Lớn, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Xóm Lớn, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	78.818.400	0	0	250.000	0	1.710.000	80.778.400	78.818.400	0	80.778.400	DT: 0979731939		
42	42	Hồ ông Liêu Thanh Dân	084067004145	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	53.400.000	0	0	0	0	27.304.000	80.704.000	53.400.000	0	80.704.000	DT: 0903689009		
43	43	Hồ ông Liêu Phi Hùng	084056000103	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	29.690.400	0	0	0	0	27.304.000	56.994.400	29.690.400	0	56.994.400	DT: 0988437739		
44	44	Ông Lê Hữu Lạc	084069011347	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	99.537.600	0	2.590.000	187.500	0	36.392.240	138.707.340	99.537.600	0	138.707.340	DT: 0787660606		
45	45	Ông Trương Thanh Tuân	084080012956	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	218.085.600	0	6.876.000	0	0	11.823.040	236.784.640	218.085.600	0	236.784.640			
46	46	Bà Trần Mỹ Thu và bà Trần Ngọc Thu (chết)	084162006136	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	46.351.200	0	0	0	0	1.710.000	48.061.200	46.351.200	0	48.061.200	DT: 0985351994		
46.1	46.1	Ông Trần Hiệp Đức có tài sản trên đất bà Trần Mỹ Thu và bà Trần Ngọc Thu (chết)	084040001987	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	56.223.980	56.223.980	0	0	56.223.980			

TT HĐ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chu sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú		
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản			Chi phí đầu tư vào đất còn lại							
							Nhà, nhà ở công trình xây dựng gần tiền vết đất	Cây trồng, vật nuôi	Chi phí di chuyển tài sản								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
46	46-2	Ông Trần Quang Liêm có tài sản trên đất bà Trần Mỹ Thu và bà Trần Ngọc Thu (chết)	084063008120	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	4.999.280	4.999.280	0		0	4.999.280	DT: 0378038739
47	47	Bà Lê Thị Thu Niêm	084181010528	Ấp An Trại, xã An Phủ Tân, tỉnh Vĩnh Long	Ấp An Trại, xã An Phủ Tân, tỉnh Vĩnh Long	7.903.200	0	0	0	0	14.401.470	22.304.670	7.903.200		0	22.304.670	DT: 0902753919
48	48	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	084166006453	Ấp Đình An, xã An Phủ Tân, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Đình An, xã An Phủ Tân, tỉnh Vĩnh Long	21.146.400	0	0	0	0	41.722.160	62.868.560	21.146.400		0	62.868.560	DT: 0936683133
49	49	Hồ ông Trần Quang Vinh	086069013044	416/753 Bts Nguyễn Thị Minh Khau, phường Bàn Cỏ, Hồ Chí Minh	416/753 Bts Nguyễn Thị Minh Khau, phường Bàn Cỏ, Hồ Chí Minh	51.691.200	0	2.126.400	0	0	1.710.000	55.527.600	51.691.200		0	55.527.600	
50	50	Bà Trần Mỹ Thu	084162006136	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	93.556.800	0	4.207.000	375.000	0	32.501.510	130.640.310	93.556.800		0	130.640.310	DT: 0985351994
51	51	Hồ ông Phan Hữu Tài	084064007778	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	56.390.400	0	524.000	0	0	49.408.560	106.322.960	56.390.400		0	106.322.960	DT: 0987450216
52	52	Hồ bà Tống Kim Đầu	084169000273	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	83.304.000	0	198.000	250.000	0	90.111.430	173.863.430	83.304.000		0	173.863.430	DT: 0939821016
53	53	Hồ bà Nguyễn Kim Điền	084170006870	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	19.010.400	0	0	2.500.000	0	20.469.700	41.980.100	19.010.400		0	41.980.100	DT: 0776765642
54	54	Hồ ông Nguyễn Thái Binh	084073007887	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	17.728.800	0	0	0	0	20.520.000	38.248.800	17.728.800		0	38.248.800	DT: 0984492792
55	55	Ông Nguyễn Thái Bình	084073007887	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	21.573.600	0	208.200	0	0	58.889.220	80.671.020	21.573.600		0	80.671.020	DT: 0984492792
56	56	Hồ bà Phạm Thị Diễm Thùy	084184009569	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	26.272.800	0	23.500	0	0	15.109.840	41.406.140	26.272.800		0	41.406.140	DT: 0396130596
57	57	Hồ ông Phan Công Truyền	084074007221	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	34.176.000	0	0	0	0	63.839.010	98.015.010	34.176.000		0	98.015.010	DT: 0799656791
58	58	Ông Phan Văn Luom	084078010483	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	16.660.800	0	0	0	0	6.156.000	22.816.800	16.660.800		0	22.816.800	DT: 0385303304
59	59	Bà Phan Thị Phương	084178012962	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	230.260.800	0	0	1.312.500	0	115.605.990	347.179.290	230.260.800		0	347.179.290	DT: 036929687
60	60	Ông Phạm Văn Linh	001087043551	ấp Phước Trung, xã Phước Mỹ Trung, tỉnh Vĩnh Long	ấp Phước Trung, xã Phước Mỹ Trung, tỉnh Vĩnh Long	91.420.800	0	0	0	0	1.710.000	93.130.800	91.420.800		0	93.130.800	
61	61	Hồ bà Chung Thị Thủy	084164005608	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	30.544.800	0	0	0	0	83.631.000	114.175.800	30.544.800		0	114.175.800	DT: 0778025252
62	62	Hồ bà Huỳnh Thị Năm		Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	
63	63	Hồ bà Huỳnh Thị Năm (biên trạng ông Chung Quốc Thôn sư dưng)	084074006286	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	73.051.200	0	0	0	0	67.552.055	140.603.255	73.051.200		0	140.603.255	DT: 0913989162

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồ/Chu sở hữu tài sản	Số định danh có nhân	Địa chỉ		Đất	Tài sản		Giá trị bồi thường, hỗ trợ				Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Nhà, nhà ở công trình xây dựng gần liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại	Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
64	64	Hồ bà Huỳnh Thị Năm (thiền trang bà Chung Thị Diễm sư dùng)	084176005454	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	4.912.800	0	0	0	0	0	4.912.800	4.912.800	0	4.912.800	DT: 0376864567
65	65	Hồ bà Chung Lê Hằng	079165012558	Số 12/21/12 Nguyễn Khoai, Phước Khánh Hội, Hố Chi Minh	Số 12/21/12 Nguyễn Khoai, Phước Khánh Hội, Hố Chi Minh	27.768.000	0	0	0	0	23.569.500	51.337.500	27.768.000	0	51.337.500	DT: 0931010818
66	66	Chung Thị Diễm (thiền trang bà Chung Thị Diễm sư dùng)	084176005454	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	27.768.000	0	0	0	0	29.850.850	57.618.850	27.768.000	0	57.618.850	DT: 0376864567
68	68	Thị Bạch Tuyết (thiền trang Chùa Hòa Bình sư dùng)	084059002957	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	51.477.600	0	0	0	0	0	51.477.600	51.477.600	0	51.477.600	DT: 0935410272
69	69	Bà Lâm Thị Nguyệt	084171008460	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	DT: 0337080171
70	70	Bà Lâm Thị Nguyệt (thiền trang bà Giảng Thị Thanh Vân sư dùng)	084171008460- 084170011214	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	210.396.000	0	142.353	250.000	0	109.323.680	320.112.033	210.396.000	0	320.112.033	
71	71	Hồ ông Lâm Văn Rớt (thiền trang ông Lâm Văn Tâm sư dùng)	084070013181	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	168.316.800	0	0	500.000	0	0	168.316.800	168.316.800	0	168.316.800	
71	71.1	Ông Lâm Văn Mên có tài sản trên đất Hồ ông Lâm Văn Rớt (thiền trang ông Lâm Văn Tâm sư dùng)		Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	39.231.160	39.231.160	0	0	39.231.160	
72	72	Hồ bà Trần Phương Linh	084186010822	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	2.776.800	0	0	625.000	0	25.139.220	28.541.020	2.776.800	0	28.541.020	DT: 0907693989
73	73	Hồ ông Trương Hiếu Bình	084077015482	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	8.757.600	0	0	0	0	32.356.800	41.114.400	8.757.600	0	41.114.400	DT: 0939364040
74	74	Hồ ông Lê Văn Sơm	084060005876	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	29.690.400	0	0	0	0	65.999.290	95.689.690	29.690.400	0	95.689.690	DT: 0981594051
75	75	Ông Lâm Vi Anh và ông Lâm Quốc Anh (thiền trang bà Dương Thị Liễu sư dùng)		Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	14.311.200	0	0	0	0	5.631.600	19.942.800	14.311.200	0	19.942.800	
76	76	Ông Lâm Vi Anh và ông Lâm Quốc Anh (thiền trang ông Ngô Văn Tư sư dùng)	084076002576	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	3.417.600	0	0	0	0	0	3.417.600	3.417.600	0	3.417.600	DT: 0384312606
77	77	Ông Ngô Văn Tư (thiền trang ông Nguyễn Văn Thanh sư dùng)	084078005776	Ấp Chông Nô 3, xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp Chông Nô 3, xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	3.204.000	0	0	0	0	0	3.204.000	3.204.000	0	3.204.000	DT: 0783835338
78	78	Ông Ngô Văn Tư	084076002576	Ấp Chông Nô 3, xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Chông Nô 3, xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	21.360.000	0	0	0	0	0	21.360.000	21.360.000	0	21.360.000	DT: 0384312606

T. VINH

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chủ sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuế đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú	
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản		Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại	Các khoản hỗ trợ					Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
79	79	Hồ ông Nguyễn Văn Thanh	084078005776	Ấp Ô Tung B, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Ô Tung B, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	46.564.800	0	0	0	0	51.759.740	98.324.540	46.564.800	0	98.324.540	DT: 0783835338
80	80	Hồ ông Nguyễn Văn Thanh (thiên trang ông Lam Hoàng Minh sư dùng)	084078005776- 084074006710	Ấp Ô Tung B, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp Ô Tung B, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	26.913.600	0	0	0	0	0	26.913.600	26.913.600	0	26.913.600	DT: 0772875887
81	81	Hồ ông Lâm Hoàng Minh	084074006710	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	43.147.200	0	0	0	0	46.653.150	89.800.350	43.147.200	0	89.800.350	DT: 0772875887
82	82	Hồ ông Lâm Hoàng Minh (thiên trang ông Huỳnh Văn Phú sư dùng)	084074006710- 084067005671	tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	17.088.000	0	0	0	0	24.008.730	41.096.730	17.088.000	0	41.096.730	
83	83	Ông Huỳnh Văn Phú (thiên trang ông Lâm Hoàng Minh sư dùng)	084067005671- 084074006710	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	38.875.200	0	0	0	0	0	38.875.200	38.875.200	0	38.875.200	DT: 0772875887
84	84	Hồ ông Lâm Vinh Hiệp	084055006300	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	17.515.200	0	0	0	0	46.649.780	64.164.980	17.515.200	0	64.164.980	DT: 0943162230
85	85	Hồ ông Trầm Văn Bé	084046003558	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	12.388.800	0	0	0	0	34.009.790	46.398.590	12.388.800	0	46.398.590	
86	86	Ông Lâm Thanh Nhân	084089009254	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	90.139.200	0	0	0	0	64.869.060	155.008.260	90.139.200	0	155.008.260	DT: 0907409406
87	87	Bà Huỳnh Thu Thao	084198008957	Ấp Bà Bay, xã Phong Thạnh, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Bà Bay, xã Phong Thạnh, tỉnh Vĩnh Long	28.408.800	0	0	0	0	1.710.000	30.118.800	28.408.800	0	30.118.800	DT: 0937657436
88	88	Bà Phó Thúc Oanh	084176007481	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	24.136.800	0	0	0	0	1.710.000	25.846.800	24.136.800	0	25.846.800	DT: 0765353533
89	89	Hồ bà Tổng Kim Dầu (thiên trang bà Phó Thúc Oanh sư dùng)	084169000273- 084176007481	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	7.048.800	0	0	0	0	0	7.048.800	7.048.800	0	7.048.800	DT: 0765353533
90	90	Bà Lâm Thị Cẩm Hằng (thiên trang hồ bà Tổng Kim Dầu sư dùng)	084169000273	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	15.806.400	0	0	0	0	0	15.806.400	15.806.400	0	15.806.400	
91	91	Ông Đào Tấn Thanh	084063013238	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	20.505.600	0	0	0	0	1.710.000	22.215.600	20.505.600	0	22.215.600	DT: 0834858972
92	92	Ông Đào Tấn Thanh (thiên trang hồ bà Nguyễn Thị Chi Linh sư dùng)	084063013238- 084179012293	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	5.553.600	0	0	0	0	0	5.553.600	5.553.600	0	5.553.600	
93	93	Hồ bà Nguyễn Thị Chi Linh	084179012293	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	51.264.000	0	1.670.000	250.000	0	48.684.380	101.868.380	51.264.000	0	101.868.380	DT: 0346916599
94	94	Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyễn	086159004589	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	37.380.000	0	140.000	375.000	0	49.008.900	86.903.900	37.380.000	0	86.903.900	
95	95	Hồ bà Giang Thị Thủy Lâm	084155007541	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	32.040.000	0	0	0	0	38.271.200	70.311.200	32.040.000	0	70.311.200	DT: 0869364117

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồi/Cha sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Diện tích	Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuế đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú	
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản		Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại	Các khoản hỗ trợ					Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
96	96	Hồ ông Phạm Văn Tân	08404800149	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	44.856.000	0	0	0	0	81.694.700	126.550.700	44.856.000	0	126.550.700	DT: 0977680800
97	97	Ông Trần Thanh Hùng	084081012654	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	27.981.600	0	0	0	0	107.320.637	135.302.237	27.981.600	0	135.302.237	DT: 0932903039
98	98	Bà Trần Thị Kim Yên	084177003705	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	32.894.400	0	0	0	0	122.197.083	155.091.483	32.894.400	0	155.091.483	DT: 0932903039
99	99	Bà Trần Thị Diễm Thủy	084183005220	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	69.420.000	0	0	0	0	200.540.635	269.960.635	69.420.000	0	269.960.635	DT: 0932903039
100	100	Hồ bà Tào Thị Chi	084149003176	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	32.040.000	0	0	0	0	17.371.320	49.411.320	32.040.000	0	49.411.320	DT: 0338996329
101	101	Bà Võ Thị Thanh	084150005396	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	46.351.200	0	652.000	4.625.000	0	36.702.280	88.330.480	46.351.200	0	88.330.480	DT: 0348515937
102	102	Hồ bà Hồng Thị Đẹp	084150005644	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	16.233.600	0	242.970	125.000	0	33.675.260	50.276.830	16.233.600	0	50.276.830	DT: 0775807907
103	103	Hồ ông Lý Tân Hòa	084059003738	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	135.867.600	0	250.000	0	0	75.357.620	211.475.220	135.867.600	0	211.475.220	DT: 0907212069
104	104	Hồ bà Lý Thị Anh Chi	084183011657	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	38.780.000	9.162.180	0	0	0	0	47.942.180	38.780.000	0	47.942.180	DT: 0888702983
105	105	Hồ ông Châu Khiêm Sơn	084048005196	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	36.010.000	19.734.670	0	0	0	0	55.744.670	36.010.000	0	55.744.670	DT: 0901037848
106	106	Bà Huỳnh Thị Kim Phương	084176011089	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	32.686.000	12.249.000	0	0	0	0	44.935.000	32.686.000	0	44.935.000	DT: 0983419963
107	107	Ông Khu Minh Lộc (thiền trang bà Huỳnh Thị Kim Phương sở dùng)	084176011089	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	4.432.000	0	0	0	0	0	4.432.000	4.432.000	0	4.432.000	DT: 0983419963
108	108	Ông Khu Minh Lộc	084074009779	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	50.968.000	9.709.080	0	0	0	0	60.677.080	50.968.000	0	60.677.080	DT: 0932894222
109	109	Bà Lâm Thị Mười (thiền trang bà Huỳnh Diệp Thủy Tiên sở dùng)	084179008342	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	75.344.000	18.214.920	0	0	0	0	93.558.920	75.344.000	0	93.558.920	DT: 0964351118
110	110	Bà Tiết Thị Hoa (thiền trang bà Tào Thị Huệ sở dùng)	084151005801- 084171011896	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	55.954.000	10.463.680	0	0	0	0	66.417.680	55.954.000	0	66.417.680	DT: 0817194816
111	111	Bà Triều Tuyết Phương (thiền trang bà Tiết Thị Hoa sở dùng)	084183000640- 084151005801	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	72.020.000	16.845.400	2.242.000	0	0	0	91.107.400	72.020.000	0	91.107.400	DT: 0817719816
112	112	Bà Tiết Thị Hoa (thiền trang Bà Triều Tiết Phương sở dùng)	084151005201- 084183000640	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp Phù Thọ 1, xã Tiêu Cần, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp Phù Thọ 1, xã Tiêu Cần, tỉnh Vĩnh Long)	86.978.000	0	0	0	0	0	86.978.000	86.978.000	0	86.978.000	
113	113	Hồ ông Phan Văn Tuấn (thiền trang ông Phan Văn Tân sở dùng)	084052002788	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	72.574.000	0	0	0	0	0	72.574.000	72.574.000	0	72.574.000	DT: 0973416274

TT Họ	TT HIS	Người có đất thu hỏi/Chủ sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ				Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuế đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú		
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản		Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại					Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ
							Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
114	114	Hồ bà Huỳnh Thị Xuân (thiên trang ông Phan Văn Tân sử dụng)	084052002788	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	46.536.000	478.832.936	0	0	0	4.800.000	530.168.936	46.536.000	0	530.168.936	ĐT: 0973416274
115	115	(Đất tranh chấp) Hiền trung ông Trịnh Xuân Phát sử dụng	084082002788	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	64.818.000	0	0	0	0	0	64.818.000	64.818.000	0	64.818.000	ĐT: 0973416274
116	116	Hồ ông Trịnh Xuân Phát	084054001484	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	21.573.600	0	0	1.250.000	0	62.726.980	85.550.580	21.573.600	0	85.550.580	ĐT: 0939496513
117	117	Bà Trương桂花 Mỹ	084195010072	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	73.128.000	39.283.850	0	0	0	0	112.411.850	73.128.000	0	112.411.850	ĐT: 0919799383
119	119	Hồ ông Nguyễn Hoàng Long (Ông Nguyễn Hoàng Long chết, hiện trung ông Nguyễn Hoàng Thọ sử dụng)	084077000822	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	234.342.000	17.808.700	0	250.000	0	0	252.400.700	234.342.000	0	252.400.700	ĐT: 0855826242
121	121	Ông Lâm Minh Huệ	084065003688	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	5.540.000	2.207.700	100.500	0	0	0	7.848.200	5.540.000	0	7.848.200	ĐT: 0368815038
122	122	Bà Liễu Mỹ Đông	084149005188	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	1.108.000	9.429.820	0	0	0	0	10.537.820	1.108.000	0	10.537.820	ĐT: 0903689009
123	123	Bà Trịnh Xuân Hồng (thiên trang ông Trịnh Huỳnh Khanh sử dụng)	084069014295	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	4.432.000	9.093.000	0	0	0	0	13.525.000	4.432.000	0	13.525.000	ĐT: 0939656034
124	124	Ông Tăng Thi Thanh	084069014269	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	9.418.000	6.979.960	0	0	0	0	16.397.960	9.418.000	0	16.397.960	ĐT: 0989779050
125	125	Hồ ông Huỳnh Văn Mậu	084056004823	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	50.968.000	18.804.500	0	125.000	0	0	69.897.500	50.968.000	0	69.897.500	ĐT: 0909266698- 0939859359
126	126	Bà Phạm Thị Thu Nhi	084153004249	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	18.369.600	0	0	0	0	110.402.727	128.772.327	18.369.600	0	128.772.327	ĐT: 0907693989
127	127	Hồ bà Trần Thị Mỹ (thiên trang ông Tăng Thế Hoàn sử dụng)	084060004364	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	69.804.000	16.650.320	0	0	0	0	86.454.320	69.804.000	0	86.454.320	ĐT: 0794913554
128	128	Hồ bà Tô Thị Đa	084144002866	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	88.086.000	16.549.000	0	0	0	0	104.635.000	88.086.000	0	104.635.000	ĐT: 0332030524
129	129	Hồ ông Trương Kỳ Tài	084051003986	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	192.238.000	16.120.560	125.000	0	0	0	208.483.560	192.238.000	0	208.483.560	ĐT: 0909872183
130	130	Hồ bà Vương Thị Thu Lan	084170005889	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	29.476.800	0	0	0	0	6.840.000	36.316.800	29.476.800	0	36.316.800	ĐT: 0706932095
131	131	Bà Huỳnh Thị Thu Nấm	084192010392	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	29.263.200	0	0	0	0	1.710.000	30.973.200	29.263.200	0	30.973.200	ĐT: 093940403
132	132	Ông Nguyễn Hòa Nam	084094010155	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	26.913.600	0	0	0	0	12.813.100	39.726.700	26.913.600	0	39.726.700	ĐT: 0907688022
133	133	Ông Giang Thanh Tài và Bà Giang Thị Ngọc Lan	084075006839- 084176010614	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	63.710.000	68.450.180	0	0	0	4.800.000	136.960.180	63.710.000	0	136.960.180	ĐT: 0989004657
134	134	Đất tranh chấp (thiên trang Ông Nguyễn Văn Liet sử dụng)	084066008090	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	5.980.800	2.420.600	0	0	0	0	8.401.400	5.980.800	0	8.401.400	

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chu sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Tài sản		Giá trị bồi thường, hỗ trợ				Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu vào đất còn lại	Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
135	135	Bà Hứa Quế Hứa	084159000085	Tổ 25 ấp Định, xã Củ Chi, tp Hồ Chí Minh	Tổ 25 ấp Định, xã Củ Chi, tp Hồ Chí Minh	66.234.000	0	0	0	0	42.740.300	108.974.300	66.234.000	0	108.974.300	DT: 0392593519
136	136	Bà Lê Thị Ngọc (thien trang Huỳnh Thanh Trung sử dụng)	084084015068	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	17.728.800	0	572.000	0	0	18.118.640	36.419.440	17.728.800	0	36.419.440	DT: 0977727403
137	137	Bà Nguyện Thu Hạnh	084183013886	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	9.612.000	0	0	0	0	6.827.840	16.439.840	9.612.000	0	16.439.840	DT:
138	138	Bà Liễu Thị Kiều Quyên	084183006545	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	38.234.400	0	350.000	4.875.000	0	48.770.526	92.229.926	38.234.400	0	92.229.926	DT: 0859801090
139	139	Bà Trinh Thị Mỹ Nhan	084174008402	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	27.340.800	0	0	0	0	25.885.920	53.226.720	27.340.800	0	53.226.720	DT: 0766865389
140	140	Hồ ông Nguyễn Văn Nhô	084063014436	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	43.147.200	0	524.000	0	0	36.964.680	80.635.880	43.147.200	0	80.635.880	DT: 0987452256
141	141	Hồ ông Kim Duy Khánh	084082000220	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	36.010.000	0	0	0	0	0	36.010.000	36.010.000	0	36.010.000	DT: 0939869867
142	142	Ông Kim Duy Khánh	084082000220	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	49.982.400	0	1.629.000	3.625.000	0	164.527.580	219.763.980	49.982.400	0	219.763.980	DT: 0939869867
143	143	Ông Phạm Văn Tinh	084073008235	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	17.088.000	0	0	250.000	0	23.279.000	40.617.000	17.088.000	0	40.617.000	DT: 0359390031- 0332028897
144	144	Bà Lâm Ngọc Hương	084172007811	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	17.942.400	0	0	500.000	0	30.904.800	49.347.200	17.942.400	0	49.347.200	DT: 0359390031
145	145	Hồ ông Huỳnh Văn Ca (thien trang ông Phạm Văn Tinh sử dụng)	084073008235	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	3.844.800	0	0	0	0	0	3.844.800	3.844.800	0	3.844.800	DT: 0359390031
146	146	Hồ ông Huỳnh Văn Ca	084063012873	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	19.224.000	0	0	0	0	52.796.940	72.020.940	19.224.000	0	72.020.940	DT: 0767946719- 0396555855
147	147	Ông Nguyễn Hoàng Trần có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084072008920	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	1.375.000	0	13.986.020	15.361.020	0	0	15.361.020	DT: 0778088787
148	148	Bà Mai Thị Kim Anh có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084153003710	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	25.920.870	25.920.870	0	0	25.920.870	DT: 0939985588
149	149	Bà Trinh Thị Mỹ Thảo có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084179014022	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	11.320.360	11.320.360	0	0	11.320.360	DT: 0939534345
150	150	Ông Huỳnh Thanh Giăng có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084056003210	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	562.500	0	39.408.200	39.970.700	0	0	39.970.700	DT: 0939337186
151	151	Bà Nguyễn Thị Tuyết có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084163007877	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	4.940.000	4.940.000	0	0	4.940.000	DT:
152	152	Ông Nguyễn Hữu Danh có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084072003998	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	750.000	0	20.188.720	20.938.720	0	0	20.938.720	DT: 0907693313

TT	Họ	Người có đất thu hồi/Cầu số hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Tài sản			Giá trị bồi thường, hỗ trợ				Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại	Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
153	153	Ông Lê Hồng Phúc có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	079073001935	205 A2 C/C Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Tp HCM	205 A2 C/C Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Tp HCM	0	0	0	0	0	992.420	992.420	0	0	0	992.420	DT: 0948723578
		B. TỔ CHỨC				267.526.600	0	0	25.000.000	0	140.657.720	433.184.320	267.526.600	0	0	433.184.320	DT: 0935410272
67	67	Chùa Hòa Bình	084059002957	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	267.526.600	0	0	25.000.000	0	140.657.720	433.184.320	267.526.600	0	0	433.184.320	
118	118	Hội Y Học Dân Tộc (thiền trang UBND xã Cầu Kè quản lý)		Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
120	120	UBND xã Cầu Kè quản lý		Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
TỔNG SỐ TIỀN BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ:						8.038.145.000	855.713.206	36.394.241	75.125.000	0	4.219.328.693	13.224.706.140	8.038.145.000	0	0	13.224.706.140	

Bảng chi: Mười ba tỷ, hai trăm hai mươi bốn triệu, bảy trăm lẻ sáu ngàn, một trăm bốn mươi đồng.

NGƯỜI LẬP DỰ TOÁN

[Signature]

Kim Duy Khánh



PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ CẦU KÈ
Phạm Thanh Toàn



BẢNG TÓNG HỢP DỰ TOÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÀI ĐỊNH CƯ
Dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Cầu Kè (Đường Nguyễn Hòa Lương)
(Kèm theo Phương án số 01/PA-HĐBT ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)

Đơn vị tính: VNĐ

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chủ sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Tài sản			Giá trị bồi thường, hỗ trợ			Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú	
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại	Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
		A. HỌ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN					12.074.358.140	364.268.036	184.422.074	168.500.000	0	6.537.192.213	19.328.740.463	12.074.358.140	0	19.328.740.463	
1	1	Hồ ông Phan Văn Tốt (ông Phan Văn Tốt đã chết hiện trong bà Ngõ Thị Tam sư dùng)	084144003039	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	464.760.900	0	0	0	0	0	464.760.900	464.760.900	0	464.760.900	DT: 0767577609	
1	1.2	Ông Ngõ Thanh Hùng có tài sản trên đất hộ ông Phan Văn Tốt	084062006091	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	19.450.229	19.450.229	0	0	19.450.229	DT: 0767577609	
1	1.3	Bà Lâm Thị Yên Phương có tài sản trên đất hộ ông Phan Văn Tốt	084174007911	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	552.475	0	0	132.448.370	133.000.845	0	0	133.000.845	DT: 0938195838	
2	2	Ông Nguyễn Minh Nhật	084092008024	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	30.628.800	0	0	0	0	7.638.750	38.267.550	30.628.800	0	38.267.550	DT: 0332623632	
3	3	Ông Phan Hùng Phong	084069012942	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	62.108.400	0	561.000	3.375.000	0	27.307.870	93.352.270	62.108.400	0	93.352.270	DT: 0986275818	
4	4	Ông Phan Quốc Cường	084072005315	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	156.334.500	0	8.104.250	2.750.000	0	172.839.740	340.028.490	156.334.500	0	340.028.490		
5	5	Hồ ông Phan Văn Tốt (đã chết)		Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
6	6	Hồ ông Phan Văn Tốt đã chết hiện trong ông Nguyễn Thành Thái sư dùng)	084072008365	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	13.187.400	0	0	0	0	0	13.187.400	13.187.400	0	13.187.400	DT: 0919184063	
7	7	Hồ ông Phan Văn Tuổi	084043002190	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	107.626.200	0	390.000	0	0	24.880.240	132.896.440	107.626.200	0	132.896.440	DT: 0986275018	
8	8	Ông Giang Thanh Thần	084087012580	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	159.737.700	0	3.165.500	15.187.500	0	39.772.400	217.863.100	159.737.700	0	217.863.100	DT: 0938275450	
9	9	Ông Giang Nhứt Tâm	084087000400	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	115.070.700	0	10.820.725	11.875.000	0	38.859.980	176.626.405	115.070.700	0	176.626.405	DT: 0932866379	
10	10	Ông Giang Trạch Văn	084092007885	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	45.092.400	0	833.000	250.000	0	14.751.600	60.927.000	45.092.400	0	60.927.000	DT: 0327967437	
11	11	Ông Giang Bảo Tâm	072087002870	Khu phố Ninh Bình, phường Ninh Thạnh, tỉnh Tây Ninh	Khu phố Ninh Bình, phường Ninh Thạnh, tỉnh Tây Ninh	112.305.600	0	1.920.000	375.000	0	1.710.000	116.310.600	112.305.600	0	116.310.600	DT: 0932866379	
12	12	Hồ ông Nguyễn Thành Thái	084072008365	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	296.920.800	0	0	2.500.000	0	175.104.061	474.524.861	296.920.800	0	474.524.861	DT: 0919184063	

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chu sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Diện tích	Giá trị bồi thường, hỗ trợ										Ghi chú
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Đất	Tài sản		Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại	Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ	Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuế đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	
								Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
13	13	Ông Phó Minh Nghĩa	084074008437	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	139.743.900	0	1.729.150	0	0	1.710.000	143.183.050	139.743.900	0	143.183.050	DT: 0903171197	
14	14	Hồ ông Lê Văn Túc, bà Võ Thị Thu	084082000558- 084183000619	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	88.483.200	0	0	7.125.000	0	0	37.884.600	133.492.800	0	133.492.800	DT: 098684293	
15	15	Hồ bà Nguyễn Thị Minh Duyên	084159004210	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	193.769.700	0	2.193.000	25.562.500	0	0	81.783.400	303.308.600	0	303.308.600	DT: 0964219431	
16	16	Bà Huỳnh Thị Trang	08418400358	312/2/2A Bình Trị Đông, xã Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh	Hương lộ 2, ấp Bình Trị Đông, xã Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh	133.575.600	0	78.000	0	0	1.710.000	135.363.600	133.575.600	0	135.363.600		
17	17	Ông Ông Thanh Sang	08408000493	Ấp Đình An, xã An Phủ Tân, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Đình An, xã An Phủ Tân, tỉnh Vĩnh Long	119.537.400	0	0	0	0	1.710.000	121.247.400	119.537.400	0	121.247.400	DT: 0939114258	
18	18	Ông Phan Đồng Thập	084079005462	Ấp Ô Chích, xã Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Ô Chích, xã Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	63.810.000	0	0	0	0	1.710.000	65.520.000	63.810.000	0	65.520.000	DT: 0966599205	
19	19	Bà Nguyễn Thị Thị Dung	084180000478	Ấp 2, xã Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Tân Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	54.876.600	0	0	0	0	3.471.300	58.350.900	54.876.600	0	58.350.900	DT: 0978195817	
20	20	Hồ bà Đoàn Thị Phượng	084182010948	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	35.520.900	0	0	1.250.000	0	83.512.859	120.283.759	35.520.900	0	120.283.759		
21	21	Ông Thạch Liêm	084072007933	Ấp 5, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 5, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	121.877.100	0	0	0	0	181.843.790	303.720.890	121.877.100	0	303.720.890	DT: 0982301272	
22	22	Ông Nguyễn Nhật Tương	084079007581	Ấp Đình An, xã An Phủ Tân, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Đình An, xã An Phủ Tân, tỉnh Vĩnh Long	134.426.400	0	0	0	0	1.710.000	136.136.400	134.426.400	0	136.136.400	DT: 0964676162	
23	23	Hồ ông Nguyễn Văn Mười	0840335001427	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	456.454.200	0	3.231.600	0	0	157.050.000	616.735.800	456.454.200	0	616.735.800	DT: 0987971276	
24	24	Nguyễn Chi Quỳn	087062009156	Ấp An Thanh, xã Phủ Hữu, tỉnh Đồng Tháp	Ấp An Thanh, xã Phủ Hữu, tỉnh Đồng Tháp	82.314.900	0	0	0	0	55.719.960	138.034.860	82.314.900	0	138.034.860	DT: 0919480577	
25	25	Hồ ông Khuu Minh Trí	084050005912	Ấp 5, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 5, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	202.711.740	0	1.174.355	1.250.000	0	132.591.640	337.727.735	202.711.740	0	337.727.735	DT: 0937090215	
26	26	Ông Diêu Như Minh	084090002385	Ấp 6, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	260.982.900	0	0	0	0	151.075.060	412.057.960	260.982.900	0	412.057.960	DT: 09384816002- 0359441288 (Cổ Ông)	
27	27	Châu Sang	084066004996	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	179.944.200	0	6.460.000	2.000.000	0	85.606.900	274.011.100	179.944.200	0	274.011.100	DT: 0865963038	
28	28	Châu Thị Lê	084168009779	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	158.461.500	0	8.274.320	4.562.500	0	43.519.400	214.817.720	158.461.500	0	214.817.720	DT: 0336149562	
29	29	Ông Nguyễn Văn Minh Hải	084080004784	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	33.606.600	0	396.000	250.000	0	48.312.380	82.564.980	33.606.600	0	82.564.980	DT: 0986265481	
30	30	Hồ bà Thạch Thị Minh Thị	084176011551	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	35.308.200	0	190.000	0	0	19.308.500	54.806.700	35.308.200	0	54.806.700	DT: 0336410711	
31	31	Bà V. Thị Diêu	084166010028	Ấp Trà Khảo, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Trà Khảo, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	18.930.300	0	0	0	0	38.448.785	57.379.085	18.930.300	0	57.379.085		

TT HS	Người có đất thu hồi/Chu sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Diện tích đất	Tài sản		Giá trị bồi thường, hỗ trợ				Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuế đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú
			Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại	Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ				
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
32	32	Hồ ông Nguyễn Trương Giảng	Ấp Rạch Dúi, xã Phong Thạnh, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Rạch Dúi, xã Phong Thạnh, tỉnh Vĩnh Long	18.504.900	0	526.435	250.000	0	38.473.940	57.755.275	18.504.900	0	57.755.275	DT: 0979738161
33	33	Ông Thạch Thane	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	21.482.700	0	1.417.325	0	0	2.366.820	25.266.845	21.482.700	0	25.266.845	DT: 0936660702
34	34	Hồ ông Thạch Sa Ga	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	26.374.800	0	486.000	375.000	0	9.216.040	36.451.840	26.374.800	0	36.451.840	DT: 0763921498
35	35	Bà Thạch Thị Oanh Thu	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	33.606.600	0	0	0	0	49.953.640	83.560.240	33.606.600	0	83.560.240	DT: 0763921498
36	36	Bà Thạch Thị Phiên (thên trạng bà Thạch Thị Oanh Tha sư dòng)	Ấp Bà Mỹ, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp Bà Mỹ, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	7.019.100	0	0	0	0	0	7.019.100	7.019.100	0	7.019.100	DT: 076391498
37	37	Bà Thạch Thị Phien	Ấp Bà Mỹ, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Bà Mỹ, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	108.477.000	0	388.755	0	0	2.767.500	111.633.255	108.477.000	0	111.633.255	DT: 0387361029
38	38	Bà Kiên Thị Thu Ni	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	23.609.700	0	1.634.632	0	0	1.710.000	26.954.332	23.609.700	0	26.954.332	DT: 0908688165
39	39	Hồ ông Thạch Trương	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	49.771.800	0	0	8.125.000	0	65.437.960	123.334.760	49.771.800	0	123.334.760	DT: 0394003225
40	40	Ông Kim Hùng Cường, bà Nguyễn Thị Kim Xuyên	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long; 96/7, ấp Thanh Mỹ, xã Thanh Phú, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long; 96/7, ấp Thanh Mỹ, xã Thanh Phú, tỉnh Vĩnh Long	25.736.700	0	0	0	0	3.420.000	29.156.700	25.736.700	0	29.156.700	DT: 0338532821
41	41	Bà Ngọc Kiều Thanh	Ấp Ngải Nhì, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	72.743.400	0	0	0	0	19.755.410	92.498.810	72.743.400	0	92.498.810	DT: 0973330127
42	42	Ông Phạm Hoàng Vũ	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	82.740.300	0	0	2.750.000	0	77.656.823	163.147.123	82.740.300	0	163.147.123	DT: 0932849918
43	43	Hồ ông Phạm Hoàng Vũ	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	42.540.000	0	0	0	0	1.710.000	44.250.000	42.540.000	0	44.250.000	DT: 0932849918
44	44	Hồ ông Nguyễn Văn Thịnh	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	77.848.200	0	0	500.000	0	25.079.150	103.427.350	77.848.200	0	103.427.350	DT: 08699417377
45	45	Bà Huỳnh Thị Phương Dung	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	33.393.900	0	0	0	0	54.090.700	87.484.600	33.393.900	0	87.484.600	DT: 0932894222
46	46	Hồ ông Thạch Giảng	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	42.327.300	0	0	0	0	18.098.920	60.426.220	42.327.300	0	60.426.220	DT: 0867706073
47	47	Hồ bà Thạch Thị Đơn	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	100.181.700	0	845.940	500.000	0	90.762.330	192.289.970	100.181.700	0	192.289.970	DT: 0902378271
48	48	Hồ bà Thạch Thị Đơn (thên trạng Thạch Sa Rết sư dòng)	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	93.162.600	0	0	5.000.000	0	17.360.940	115.523.540	93.162.600	0	115.523.540	
49	49	Bà Mai Thị Nét	Ấp Ngải Nhì, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Ngải Nhì, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	34.457.400	0	0	0	0	1.710.000	36.167.400	34.457.400	0	36.167.400	DT: 0939972245

TT Họ	TT HIS	Người có đất thu hồi(Chu sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ				Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu đầu vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú		
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản			Các khoản hỗ trợ						
							Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	Chi phí di chuyển tài sản						Chi phí đầu vào đất còn lại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
50	50	Sương (thiên trang bà Thạch Thị Na Sĩ sư dùng)		Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	52.324.200	0	680.500	375.000	0	15.912.160	69.291.860	52.324.200	0	69.291.860	
51	51	Ông Huỳnh Văn Phú (thiên trang ông Nguyễn Văn Toàn sư dùng)		Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	124.920.400	58.707.080	0	3.375.000	0	0	187.002.480	124.920.400	0	187.002.480	DT: 0917127830
52	52	Hồ bà Thạch Thị Sa Ngium	084163005768	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	74.019.600	0	1.863.000	6.625.000	0	14.262.980	96.770.580	74.019.600	0	96.770.580	DT: 0334250067
53	53	Hồ bà Thạch Thị Hoa (thiên trang bà Thạch Thị Oanh Na sư dùng)		Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	31.054.200	0	0	0	0	0	31.054.200	31.054.200	0	31.054.200	
54	54	Hồ bà Thạch Thị Hoa (thiên trang ông Thạch Hiệp sư dùng)		Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	33.181.200	0	7.254.948	1.500.000	0	0	41.936.148	33.181.200	0	41.936.148	DT: 0907490992
55	55	Hồ bà Thạch Thị Xem	084144003364	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	94.864.200	0	8.601.920	125.000	0	5.249.200	108.840.320	94.864.200	0	108.840.320	DT: 0889805497
56	56	Bà Vương Thị Mỹ Ngọc (thiên trang bà Thạch Thị Xem sư dùng)	084174002826- 084144003364	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	3.615.900	0	0	0	0	0	3.615.900	3.615.900	0	3.615.900	DT: 0889805497
57	57	Bà Vương Thị Mỹ Ngọc	084174002826	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	121.664.400	0	0	0	0	240.106.290	361.770.690	121.664.400	0	361.770.690	DT: 0903171197
58	58	Hồ bà Thạch Thị Cơ	084145001921	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	21.057.300	0	0	0	0	35.021.130	56.078.430	21.057.300	0	56.078.430	DT: 0909223695
59	59	Ông Thạch Đa Ný (thiên trang bà Thạch Thị Cơ sư dùng)	084093012410- 084145001921	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	2.977.800	0	0	0	0	0	2.977.800	2.977.800	0	2.977.800	DT: 0909223695
60	60	Ông Thạch Đa Ný	084093012410	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	36.797.100	0	0	0	0	67.663.920	104.461.020	36.797.100	0	104.461.020	DT: 0975898261
61	61	Bà Thạch Thị Linh Đa (thiên trang ông Thạch Đa Ný sư dùng)	084193006917- 084093012410	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	2.765.100	0	0	0	0	0	2.765.100	2.765.100	0	2.765.100	DT: 0975898261
62	62	Bà Thạch Thị Linh Đa	084193006917	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	77.422.800	0	0	0	0	38.707.680	116.130.480	77.422.800	0	116.130.480	DT: 0909223695- 0769500099
63	63	Bà Thạch Thị Sa Rét (thiên trang bà Thạch Thị Linh Đa sư dùng)	084174008462- 084193006917	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	5.955.600	0	0	0	0	0	5.955.600	5.955.600	0	5.955.600	DT: 0909223695
64	64	Hồ bà Thạch Thị Sa Rét	084174008462	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	35.946.300	0	0	0	0	47.270.295	83.216.595	35.946.300	0	83.216.595	DT: 0769500099
65	65	Hồ ông Thạch Sa Rét (thiên trang bà Bà Thạch Thị Sa Rét sư dùng)	084072004570- 084174008462	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	3.615.900	0	0	0	0	0	3.615.900	3.615.900	0	3.615.900	DT: 0769500099

TT Hộ	TT hồi/Chu sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Diện tích	Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú		
			Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Đất	Tài sản		Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại					Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
66	66	Hồ ông Thạch Sa Rén	084072004570	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	49.133.700	0	0	0	0	49.859.460	98.993.160	49.133.700	0	98.993.160	ĐT: 0794374677
67	67	Bà Huỳnh Thị Khắc Hạnh	084182013296	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	61.257.600	0	0	0	0	15.817.350	77.074.950	61.257.600	0	77.074.950	ĐT: 0908570138
68	68	Ông Huỳnh Khắc Phước	084084015768	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	26.162.100	0	0	0	0	9.176.400	35.338.500	26.162.100	0	35.338.500	ĐT: 0903632739
69	69	Bà Thạch Thị Vương (hiện trạng ông Huỳnh Khắc Phước sử dụng)	084155006321- 084084015768	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	5.530.200	0	0	0	0	0	5.530.200	5.530.200	0	5.530.200	ĐT: 0903632739
70	70	Bà Thạch Thị Vương	084155006321	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	125.918.400	0	1.820.000	0	0	19.728.270	147.466.670	125.918.400	0	147.466.670	
71	71	Bà Phó Thị Xuân Linh	084182014502	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	33.393.900	0	0	0	0	1.710.000	35.103.900	33.393.900	0	35.103.900	
72	72	Ông Phó Chí Tâm	084080013393	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	87.207.000	0	0	0	0	58.863.781	146.070.781	87.207.000	0	146.070.781	
73	73	Ông Nguyễn Hoàng Anh	084089004742	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	45.092.400	0	0	0	0	4.357.400	49.449.800	45.092.400	0	49.449.800	ĐT: 0978759921
74	74	Hồ ông Thiệu Văn Khoe	084038002317	Số 44, Lê Lợi, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	Số 44, Lê Lợi, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	277.998.900	0	5.797.000	6.250.000	0	48.933.708	338.979.608	277.998.900	0	338.979.608	ĐT: 0356565422
74.1		Dùng có tài sản trên đất ông Thiệu Văn Khoe	084074010706	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	183.915.843	183.915.843	0	0	183.915.843	ĐT: 0981919444
75	75	Hồ ông Bùi Văn Ôn	084058003273	Ấp Bà Mỹ, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Bà Mỹ, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	232.481.100	0	1.037.135	0	0	19.384.780	252.903.015	232.481.100	0	252.903.015	ĐT: 0738315380
76	76	Hồ ông Nguyễn Thanh Phước	084086004382	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	96.778.500	0	0	0	0	59.665.410	156.443.910	96.778.500	0	156.443.910	ĐT: 0986859376
77	77	Ông Nguyễn Thành Phước	0840860043282	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	52.111.500	0	0	0	0	0	52.111.500	52.111.500	0	52.111.500	ĐT: 0986859376
78	78	Hồ ông Huỳnh Thanh Quang	094059004331	Số 13, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ	Số 13, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ	82.314.900	0	6.753.000	1.312.500	0	114.771.332	205.151.732	82.314.900	0	205.151.732	
79	79	Bà Quách Ngọc Phương	084177011890	Ấp Châu Hưng, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Châu Hưng, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	62.321.100	0	0	0	0	35.813.410	98.134.510	62.321.100	0	98.134.510	ĐT: 0937343357
80	80	Ông Huỳnh Quốc Tuấn	084079013756	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	92.099.100	0	730.000	250.000	0	6.700.800	99.779.900	92.099.100	0	99.779.900	ĐT: 0907415333
81	81	Ông Lê Thanh Hải, Bà Lan Thanh Tuyền	084088011093- 084192010419	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	45.943.200	0	0	0	0	9.719.840	55.663.040	45.943.200	0	55.663.040	ĐT: 0947394247
82	82	Hồ ông Dương Thanh Bào	086081013472	Ấp 3, xã Cái Nhum, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cái Nhum, tỉnh Vĩnh Long	40.200.300	0	0	0	0	13.951.480	54.151.780	40.200.300	0	54.151.780	ĐT: 0909676728



TT Hộ	TT hộ/Chủ sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Tài sản		Giá trị bồi thường, hỗ trợ			Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Chú chú				
			Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại	Các khoản hỗ trợ			Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ	Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
83	Ông Phạm Quốc Cường	084070011715	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	75.933.900	0	0	0	0	0	43.572.040	119.505.940	75.933.900	0	119.505.940	DT: 0945310305
84	Hồ ông Khuân Minh Trí (thiên trang ông Trăn Thanh Việt sử dụng)	084050005912-084062007956	Ấp 5, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long; (Ấp Giồng Dầu, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 5, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long; (Ấp Giồng Dầu, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	35.095.500	0	360.000	250.000	0	0	10.685.440	46.390.940	35.095.500	0	46.390.940	
85	Hồ ông Trăn Văn Trương	084086005367	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	43.603.500	0	0	0	0	0	169.683.560	213.287.060	43.603.500	0	213.287.060	DT: 096331230
86	Bà Trăn Thị Hồng Giang	084174005333	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	39.562.200	0	0	0	0	0	38.510.930	78.073.130	39.562.200	0	78.073.130	DT: 0939832575
87	Bà Vương Ngọc Quý	084165006288	Ấp 6, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	161.439.300	0	610.000	0	0	0	1.710.000	163.759.300	161.439.300	0	163.759.300	DT: 0359441288
88	Ông Thạch Xương (thiên trang ông Châu Sĩng sử dụng)	084095005177	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	95.289.600	0	2.629.000	625.000	0	0	45.489.606	144.033.206	95.289.600	0	144.033.206	DT: 0365963038
89	Ông Thạch Xương (thiên trang bà Châu Thị Lễ sử dụng)		Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	78.273.600	0	0	0	0	0	0	78.273.600	78.273.600	0	78.273.600	
90	Bà Nguyễn Ngọc Ngọc Tam	084189005023	Bình Trị Đông A, Phường Bình Tân, tp HCM	Bình Trị Đông A, Phường Bình Tân, tp HCM	14.676.300	0	0	0	0	0	1.710.000	16.386.300	14.676.300	0	16.386.300	DT: 0938090336
92	Hồ bà Thạch Thị Quỳnh Ni	084184006016	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	146.550.300	0	0	0	0	0	408.681.070	555.231.370	146.550.300	0	555.231.370	
93	Hồ ông Thạch Phan	084056003831	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	148.890.000	0	9.862.415	2.625.000	0	0	115.196.790	276.574.205	148.890.000	0	276.574.205	DT: 0909270845
94	Bà Nguyễn Thị Loan (thiên trang ông Thạch Phan sử dụng)	084056003831	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	8.082.600	0	0	0	0	0	0	8.082.600	8.082.600	0	8.082.600	DT: 0909270845
95	Bà Nguyễn Thị Loan	084174006845	Ấp Ngãi Nhì, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Ngãi Nhì, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	52.536.900	0	0	0	0	0	1.710.000	54.246.900	52.536.900	0	54.246.900	DT: 0345155046
96	Hồ bà Nguyễn Thị Mỹ Hà	084172000253	Ấp 5, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 5, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	36.797.100	0	0	0	0	0	18.037.840	54.834.940	36.797.100	0	54.834.940	DT: 0909270820
97	Ông Phạm Hoàng Nhữ	084064000163	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	38.924.100	0	28.000	0	0	0	20.514.620	59.466.720	38.924.100	0	59.466.720	DT: 0918351257
98	Hồ bà Thạch Thị Sa Rết	084174008462	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	237.585.900	0	1.820.000	0	0	0	124.196.530	363.602.430	237.585.900	0	363.602.430	
99	Hồ bà Thạch Thị Sa Rết (thiên trang bà Kiên Thị Châu sử dụng)	084170010504	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	14.250.900	0	5.872.380	0	0	0	25.766.120	45.889.400	14.250.900	0	45.889.400	DT: 0967244523
100	Hồ bà Kiên Thị Sa	084154004767	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	45.305.100	0	1.839.125	0	0	0	23.212.560	70.356.785	45.305.100	0	70.356.785	DT: 0783921839
101	Hồ bà Kiên Thị Sa (thiên trang ông Nguyễn Văn Sư sử dụng)	084154004767-0840610004502	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	1.063.500	0	0	0	0	0	0	1.063.500	1.063.500	0	1.063.500	
102	Hồ ông Nguyễn Văn Sư	0840610004502	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	17.228.700	0	0	375.000	0	0	42.632.940	60.236.640	17.228.700	0	60.236.640	DT: 0907085925

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chủ sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú		
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản			Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại					Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ
							Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	Chi phí di chuyển tài sản								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
103	103	Hồ ông Dương Văn Bon	084066000165	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	105.924.600	0	507.000	11.937.500	0	49.526.520	167.895.620	105.924.600	0	167.895.620	DT: 0919677375	
104	104	Ông Nguyễn Thanh Phong	084085009177	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	74.657.700	0	644.000	4.375.000	0	34.139.080	113.815.780	74.657.700	0	113.815.780	DT: 0349445953	
105	105	Bà Nguyễn Thị Lâm Phuong		Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	43.816.200	0	334.000	0	0	11.367.700	55.517.900	43.816.200	0	55.517.900	DT: 0352479725	
106	106	Bà Trần Mỹ Duyên	084182007042	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	128.045.400	0		2.500.000	0	90.179.610	220.725.010	128.045.400	0	220.725.010	DT: 0938684237	
107	107	Ông Lâm Hoàng (thiên trung, bà Trần Mỹ Duyên sở dụng)	084182007042	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	9.291.600	0		0	0	0	9.291.600	9.291.600	0	9.291.600	DT: 0938684237	
108	108	Ông Lâm Hoàng (thiên trung dài giao thông)	084067004995	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0		0	0	0	0	0	0	0		
109	109	Hồ ông Trần Văn Lang (thiên trung ông Trần Thanh Dũng sở dụng)	084072007587	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	69.127.500	0		375.000	0	21.718.240	91.220.740	69.127.500	0	91.220.740	DT: 0706784630	
110	110	Hồ ông Trần Văn Lang (thiên trung dài giao thông)		Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0		0	0	0	0	0	0	0		
111	111	Hồ bà Thạch Thị Sa Em	084162008926	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	200.576.100	0	5.220.600	3.000.000	0	101.126.200	309.922.900	200.576.100	0	309.922.900	DT: 0362203416	
115	115	Bà La Phương Quyên dùng sở dụng với La Thanh Tung	084174000005	số 2/6, Lý Tự Trọng, phường Thới Bình, thành phố Cần Thơ. Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	số 2/6, Lý Tự Trọng, phường Thới Bình, thành phố Cần Thơ. Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	9.996.900	0		0	0	3.420.000	13.416.900	9.996.900	0	13.416.900	DT: 0903171067	
116	116	Bà Nguyễn Thị Dệp		Ấp Thanh Bình, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	Ấp Thanh Bình, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	98.594.200	127.253.681		0	0	0	225.847.881	98.594.200	0	225.847.881	DT: 0798873422	
117	117	Hồ bà Dương Thị Bé Ba	084153004258	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	56.790.900	0		1.375.000	0	116.478.864	174.644.764	56.790.900	0	174.644.764	DT: 0798873422	
118	118	Ông Nguyễn Văn Diệt	084081012289	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	29.565.300	0	990.000	0	0	56.579.977	87.135.277	29.565.300	0	87.135.277	DT: 0397891009	
119	119	Hồ bà Vưu Mỹ Lệ	084163005727	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	19.568.400	0		0	0	21.439.380	41.007.780	19.568.400	0	41.007.780	DT: 0785860351	
120	120	Bà Nguyễn Thị Ninh	086170012355	Ấp Khu Phố, xã Vinh Xuân, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Khu Phố, xã Vinh Xuân, tỉnh Vĩnh Long	63.399.200	6.659.120		0	0	0	70.058.320	63.399.200	0	70.058.320	DT: 0939692924	
121	121	Hồ ông Huỳnh Thanh Quang (thiên trung bà Trần Thị Thảo sở dụng)		Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	477.298.800	0		0	0	0	477.298.800	477.298.800	0	477.298.800		
122	122	Hồ ông Huỳnh Thanh Quang (thiên trung ông Thích Quang Dũng sở dụng)	084074010706	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	31.479.600	0		0	0	0	31.479.600	31.479.600	0	31.479.600	DT: 0981919444	

TT H/S	Người có đất thu hồi/Chủ sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Diện tích	Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú		
			Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản			Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại					Các khoản hỗ trợ	
						Đất	Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
123	Hồ ông Thiệu Quang Giới (thiên trang ông Thiệu Quang Dũng sử dụng)	084074010706	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		186.325.200	0	0	625.000	0	110.116.400	297.066.600	186.325.200	0	297.066.600	DT: 0981919444
124	Bà Nguyễn Thị Kim Anh		Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		225.674.700	0	11.837.000	3.625.000	0	13.269.430	254.406.130	225.674.700	0	254.406.130	
125	Bà Nguyễn Thị Hoa	084157007986	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		55.940.100	0	190.000	625.000	0	69.421.280	126.176.380	55.940.100	0	126.176.380	DT: 0358282013
126	Hồ bà Nguyến Ánh Tuyết	084155007292	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		203.128.500	0	1.731.000	6.500.000	0	19.770.080	231.129.580	203.128.500	0	231.129.580	DT: 079807671
127	Hồ ông Tạ Văn Hiến		Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		87.845.100	0	0	0	0	1.710.000	89.555.100	87.845.100	0	89.555.100	
127 1	Bà Tạ Thị Hằng có tài sản trên đất ông Tạ Văn Hiến	084177006980	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		0	0	14.762.271	0	0	10.273.300	25.035.571	0	0	25.035.571	DT: 0979991060
128	Hồ ông Tạ Văn Diễn	084069010568	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		85.505.400	0	0	0	0	6.840.000	92.345.400	85.505.400	0	92.345.400	
129	Hồ ông Tạ Hoài Hân		Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		31.054.200	0	0	0	0	1.710.000	32.764.200	31.054.200	0	32.764.200	
132	Ông Nguyễn Văn Thuần	084078013933	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		4.041.300	0	0	0	0	5.709.480	9.750.780	4.041.300	0	9.750.780	DT: 0378315739
133	Hồ ông Võ Thanh Quốc	084056004240	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		400.726.800	0	8.856.513	3.562.500	0	530.821.357	943.967.170	400.726.800	0	943.967.170	
133 1	Ông Võ Khắc Duy có tài sản trên đất ông Võ Thanh Quốc	084078000892	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		0	0	0	250.000	0	64.224.950	64.474.950	0	0	64.474.950	DT: 0357446787
134	Hồ ông Võ Thanh Nghĩa	084058006727	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		219.385.000	171.648.155	72.082	0	0	0	391.105.237	219.385.000	0	391.105.237	DT: 0382281115
135	Hồ ông Dương Hôn Hùng	084053003515	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		72.318.000	0	11.377.000	250.000	0	56.436.510	140.381.510	72.318.000	0	140.381.510	DT: 0769395853
136	Hồ ông Ông Văn Tiết (thiên trang ông Ông Văn Tài sử dụng)	084059003128	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		134.213.700	0	4.046.000	4.812.500	0	30.185.890	173.258.090	134.213.700	0	173.258.090	DT: 0353336194
137	Hồ bà Cao Thị Lang (thiên trang ông Trần Hồng Hiệp sử dụng)		Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		548.766.000	0	10.923.723	4.250.000	0	0	563.939.723	548.766.000	0	563.939.723	
139	Ông Lưu Văn Lâm có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084073001714	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		0	0	0	0	0	77.028.245	77.028.245	0	0	77.028.245	DT: 0762912652
140	Ông Thạch Sa Rên có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084072004570	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		0	0	0	0	0	38.315.170	38.315.170	0	0	38.315.170	DT: 0794374677
141	Bà Đinh Thị Thu Sương có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084167005373	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		0	0	0	0	0	102.699.349	102.699.349	0	0	102.699.349	DT: 0907611907
142	Ông Nguyễn Văn Sáng có tài sản trên đất Nhà nước quản lý		Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long		0	0	0	0	0	21.098.000	21.098.000	0	0	21.098.000	DT: 09339127299

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chưa sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Tài sản			Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	(Chú chú
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại	Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)		
143	143	Ông Huỳnh Trọng Lân có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084051002976	Ấp Ô Tung B, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Ô Tung B, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	13.186.000	13.186.000	0	0	13.186.000	DT: 0373653049		
144	144	Ông Trần Quốc Bảo có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084065005291	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	3.359.200	3.359.200	0	0	3.359.200	DT: 0775782701		
145	145	Bà Nguyễn Thị Kiều có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084181015849	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	23.212.360	23.212.360	0	0	23.212.360	DT: 0769871853		
146	146	Ông Trần Vĩnh Khương có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084061006231	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 1, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	26.372.000	26.372.000	0	0	26.372.000	DT: 0766919739		
147	147	Ông Đinh Công Điền có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084060003775	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	4.420.660	4.420.660	0	0	4.420.660	DT: 0706762938		
148	148	Bà Đinh Thị Kim Tuyên có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084189006120	Ấp Trà Met, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Trà Met, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	20.206.264	20.206.264	0	0	20.206.264	DT: 0772142389		
149	149	Ông Đinh Công Nghĩa có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084077011880	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	88.649.627	88.649.627	0	0	88.649.627	DT: 0933864121		
150	150	Bà Kha Thị Thủy Hồng có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084165006912	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	38.875.640	38.875.640	0	0	38.875.640	DT: 0373772675		
151	151	Ông Đinh Công Bửu có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084065001568	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	168.549.828	168.549.828	0	0	168.549.828	DT: 078346036		
152	152	Ông Phạm Văn Bảo có tài sản trên đất Nhà nước quản lý	084065000274	Ấp 5, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 5, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	7.912.000	7.912.000	0	0	7.912.000	DT: 0704767231		
153	153	Bà Lễ Thị Ly có tài sản trên đất Chùa Vạn Hòa	084143002830	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	937.500	0	5.955.670	6.893.170	0	0	6.893.170	DT: 0857454538		
		B. TỔ CHỨC				24.416.260	0	0	500.000	0	6.731.320	31.647.580	24.416.260	0	31.647.580			
91	91	UBND xã Cầu Kè quản lý (thiền trong bà Thạch Thị Oanh Tha sư dùng)		Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
112	112	UBND xã Cầu Kè quản lý (thiền trong bà Hồ Thị Mai sư dùng)		Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	500.000	0	6.731.320	7.231.320	0	0	7.231.320			
113	113	UBND xã Cầu Kè quản lý (thiền trong bà Hồ Thị Thủy sư dùng)		Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
114	114	UBND xã Cầu Kè quản lý		Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
130	130	Chùa Vạn Hòa		Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	16.750.690	0	0	0	0	0	16.750.690	16.750.690	0	16.750.690			
131	131	Chùa Vạn Hòa (thiền trên bà Lễ Thị Ly sư dùng)	084143002830	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 3, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	7.665.570	0	0	0	0	0	7.665.570	7.665.570	0	7.665.570	DT: 0857454538		

TT	Họ	Người có đất thu hồi/Chủ sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ					Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuế đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú		
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản			Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại					Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ
							Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
138	138	UBND xã Cầu Kè quản lý (thiền trang ông Lưu Văn Lâm sử dụng)	084073001714	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 2, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	DT: 0762912652	
TỔNG SỐ TIỀN BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ:						12.098.774.400	364.268.036	184.422.074	169.000.000	0	6.543.923.533	19.360.388.043	12.098.774.400	0	19.360.388.043		

Bảng chức: Mời chủ ủy, ba trăm sáu mươi triệu, ba trăm tám mươi tám ngàn, không trăm bốn mươi ba đồng.

NGƯỜI LẬP DỰ TOÁN

[Signature]

Kim Duy Khánh

TM. HỘI ĐỒNG BÔI THƯỜNG
KẾ CHẾ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ CẦU KÈ
Phạm Thanh Toàn



UBND XÃ CẦU KÈ
HỘI ĐỒNG BTHĐ-TĐC

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN BỎI THUỜNG, HỒ TRỢ, TÀI DÍNH CƯ
Dự án Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Cầu Kè (Đường N1 - Tuyến chính)
(Kèm theo Phương án số 01/PA-HĐBT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Đơn vị tính: (VNĐ)

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu bồi/Củ chủ sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay	Đất	Tài sản		Giá trị bồi thường, hỗ trợ						Sổ tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú
							Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại	Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ						
A. HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN						6.330.100.000	0	291.764.195	106.812.500	0	3.469.307.555	10.197.984.250	6.330.100.000	0	10.197.984.250			
1	1	Bà Kim Thị Hồng Hành	084172007545	Áp Dầu Giẽ, xã Bình Phú, tỉnh Vĩnh Long	Áp Dầu Giẽ, xã Bình Phú, tỉnh Vĩnh Long	43.783.400	0	0	0	0	1.710.000	45.493.400	43.783.400	0	45.493.400	DT: 0333384311		
2	2	Bà Kim Thị Hồng Loan	084176007595	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	125.969.000	0	3.952.000	125.000	0	59.390.000	189.436.000	125.969.000	0	189.436.000	DT: 0333384311		
3	3	Bà Kim Thị Hồng Phước	084170008663	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	46.718.600	0	3.640.000	3.500.000	0	21.408.440	75.267.040	46.718.600	0	75.267.040	DT: 0333384311		
4	4	Bà Kim Thị Mỹ Dung	084179000939	Áp Kinh Xương, xã Phong Thanh, tỉnh Vĩnh Long	Áp Kinh Xương, xã Phong Thanh, tỉnh Vĩnh Long	43.661.100	0	132.000	4.500.000	0	1.710.000	50.003.100	43.661.100	0	50.003.100	DT: 0333384311		
5	5	Bà Nguyễn Thị Tuyết Phượng	084166010857	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	24.582.300	0	1.900.000	0	0	15.316.000	41.798.300	24.582.300	0	41.798.300	DT: 0702093475		
6	6	Bà Sơn Thị Giang	084149004425	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	56.502.600	0	0	1.250.000	0	86.685.249	144.437.849	56.502.600	0	144.437.849	DT: 0333384311		
7	7	Hồ ông Lâm Thanh Mình	084164006359	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	30.475.000	0	95.000	2.625.000	0	32.966.660	66.161.660	30.475.000	0	66.161.660	DT: 0142276124		
8	8	Ông Cam Vinh Chay	084048003839	646G, đường Nguyễn Trãi, Phường Chợ Lớn, Hố Chi Minh	646G, đường Nguyễn Trãi, Phường Chợ Lớn, Hố Chi Minh	259.532.000	0	4.427.000	0	0	140.249.720	404.208.720	259.532.000	0	404.208.720	DT: 0907380152		
9	9	Ông Huỳnh Đức Tài	084080007627	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	35.100.100	0	3.640.000	0	0	24.127.000	62.867.100	35.100.100	0	62.867.100	DT: 0985121525		
10	10	Ông Kiên Thanh Hiền	084081002233	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	892.558.000	0	34.696.270	9.062.500	0	509.918.893	1.446.235.663	892.558.000	0	1.446.235.663	DT: 0869605943		
11	11	Hồ Kim Hồng Dương (trên trang ông Kiên Thanh Hiền sơ đúng)	084081002233	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	6.481.900	0	0	0	0	0	6.481.900	6.481.900	0	6.481.900	DT: 0869605943		
12	12	Ông Kim Hồng Diệu	084067008503	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	177.521.500	0	0	4.875.000	0	108.833.623	291.230.123	177.521.500	0	291.230.123	DT: 0972324981		
13	13	Ông Lâm Minh Huê	084065003688	Áp 1, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Áp 1, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	102.854.300	0	10.949.100	0	0	11.862.000	125.665.400	102.854.300	0	125.665.400	DT: 0368815038		
14	14	Ông Trần Lâm Anh Khoa	084083013039	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	60.293.900	0	2.781.100	0	0	34.018.000	97.093.000	60.293.900	0	97.093.000			
15	15	Bà Trần Lâm Anh Thi		Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Áp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	49.898.400	0	5.110.000	0	0	32.078.000	87.086.400	49.898.400	0	87.086.400			

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chủ sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ			Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận						
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
16	16	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	086186012275	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	37.790.700	0	508.000	375.000	0	30.443.640	69.117.340	37.790.700	0	69.117.340	DT: 0789676956
17	17	Bà Nguyễn Thị Hồng Quanh	084180014240	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	21.157.900	0	0	0	0	14.801.000	35.958.900	21.157.900	0	35.958.900	DT: 0796884599
18	18	Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm	084180013523	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	73.991.500	0	335.000	125.000	0	178.591.710	253.043.210	73.991.500	0	253.043.210	DT: 0988288040
19	19	Bà Nguyễn Thị Nhiên	084179000919	ấp Đình An, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	ấp Đình An, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	78.149.700	0	0	0	0	1.710.000	79.859.700	78.149.700	0	79.859.700	
20	20	Bà Phan Thị Ai Mỹ	084192008168	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	26.416.800	0	130.500	125.000	0	35.386.160	62.058.460	26.416.800	0	62.058.460	DT: 0373109905
21	21	Bà Trần Thị Bích Phương	084191007309	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	49.923.900	0	0	0	0	44.925.210	94.849.110	49.923.900	0	94.849.110	DT: 0766949515
22	22	Bà Vương Thị Cẩm Loan + Bà Vương Thị Bích Tuyền		Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long; Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long; Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	61.516.900	0	220.000	1.062.500	0	80.780.550	143.579.950	61.516.900	0	143.579.950	DT: 0983782039
23	23	Hồ bà Lê Thị Mỹ Tú	084183011166	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 4, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	298.045.500	0	16.380.000	0	0	33.384.580	347.810.080	298.045.500	0	347.810.080	DT: 0394200069
24	24	Hồ bà Trần Thị Bích Phương	084191007309	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	50.754.500	0	0	0	0	6.840.000	57.594.500	50.754.500	0	57.594.500	DT: 0766949515
25	25	Hồ bà Triều Thị Mỹ Hạnh	084162004440	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	24.949.200	0	908.000	1.562.500	0	68.817.080	96.236.780	24.949.200	0	96.236.780	DT: 0363484125
26	26	Hồ ông Diệu Hùng Việt	084068014531	ấp Sóc Rừng, xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	ấp Sóc Rừng, xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	26.906.000	0	0	0	0	8.550.000	35.456.000	26.906.000	0	35.456.000	DT: 0989245664
27	27	Hồ ông Diệu Thành Duoc	084049003470	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	206.442.400	0	9.773.451	0	0	109.409.900	325.625.751	206.442.400	0	325.625.751	DT: 0938291346
28	28	Hồ ông Lê Ngọc Ân	084054003681	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	276.764.900	0	18.290.952	0	0	152.550.500	447.606.352	276.764.900	0	447.606.352	DT: 0374234254
29	29	Hồ ông Lê Quang Chỉnh	084079000326	Ấp 5, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 5, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	22.014.000	0	0	0	0	6.840.000	28.854.000	22.014.000	0	28.854.000	DT: 0939900229
30	30	Hồ ông Lê Văn Mến	086085000529	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	27.639.800	0	330.000	0	0	45.124.470	73.094.270	27.639.800	0	73.094.270	DT: 0907323822
31	31	Hồ ông Lê Văn Phong	084074000313	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	50.754.500	0	0	500.000	0	63.588.360	114.842.860	50.754.500	0	114.842.860	DT: 093289677
32	32	Hồ ông Trần Thanh Hải	084080008924	Ấp Chông Nỏ 3, xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Chông Nỏ 3, xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	39.136.000	0	0	0	0	9.624.640	48.760.640	39.136.000	0	48.760.640	DT: 0966110799
33	33	Hồ Trần Ngọc Giàu	084181000521	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	42.927.300	0	0	0	0	11.970.000	54.897.300	42.927.300	0	54.897.300	
34	34	Hồ Trần Ngọc Thao	084177011695	Ấp Nguyệt Lăng C, xã Bình Phú, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Nguyệt Lăng C, xã Bình Phú, tỉnh Vĩnh Long	35.344.700	0	0	0	0	6.840.000	42.184.700	35.344.700	0	42.184.700	

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chủ sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ		Đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ			Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận	Ghi chú			
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay		Tài sản	Chi phí di chuyển tài sản	Chi phí đầu tư vào đất còn lại					Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
35	35	Ông Diêu Thanh Hoàng	084083013411	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	304.404,700	0	10.300,200	7.062,300	0	232.947,081	554.714,481	304.404,700	0	554.714,481	DT: 0975895111
36	36	Ông Diêu Văn Miên	084077011333	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	238.240,400	0	17.898,000	4.500,000	0	120.692,800	381.331,200	238.240,400	0	381.331,200	DT: 0916000830
37	37	Ông Đoàn Tân Lập	084081005152	Ấp Trà Mết, Xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Trà Mết, Xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	33.387,900	0	0	375,000	0	11.380,230	45.143,130	33.387,900	0	45.143,130	DT: 0909938975
38	38	Ông Huỳnh Hải Long	084078013779	Ấp 5, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 5, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	22.136,300	0	0	0	0	1.710,000	23.846,300	22.136,300	0	23.846,300	DT: 0975983232
39	39	Ông Lê Văn Miên	086083000529	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	67.387,300	0	0	0	0	0	67.387,300	67.387,300	0	67.387,300	DT: 0907323822
40	40	Ông Lê Văn Miên cùng sơ dung đất von Ông Lê Quốc Dũng	086085000529; 066089010465	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long; Khu phố 2, Phú Nhuan, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long; Khu phố 2, Phú Nhuan, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh	69.344,100	0	4.696,000	1.125,000	0	11.056,200	86.221,300	69.344,100	0	86.221,300	DT: 0907323822
41	41	Ông Nguyễn Diêu Hà Phan	084093000245	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	43.905,700	0	0	0	0	1.710,000	45.615,700	43.905,700	0	45.615,700	DT: 0906774719
42	42	Ông Nguyễn Quốc Thăng	084066002652	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	88.422,900	0	6.414,000	375,000	0	96.378,360	191.590,260	88.422,900	0	191.590,260	DT: 0987453927
43	43	Ông Nguyễn Văn Bé Sáu	086069000335	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	122.789,200	0	5.333,300	23.875,000	0	89.842,500	241.840,000	122.789,200	0	241.840,000	DT: 0906774719
44	44	Ông Phan Văn Phượng, Bà Dương Hồng Vân	084083004473; 086185006823	Ấp Trà Mết, Xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Trà Mết, Xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	21.157,900	0	0	0	0	3.420,000	24.577,900	21.157,900	0	24.577,900	DT: 0969888366
45	45	Ông Trần Hoàng Khải	084200007399	Ấp Ngãi Nhứt, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	Ấp Ngãi Nhứt, xã Tam Ngãi, tỉnh Vĩnh Long	122.300,000	0	11.142,200	500,000	0	1.710,000	135.652,200	122.300,000	0	135.652,200	DT: 0906774719
46	46	Bà Thạch Thị Va Ry	084183012232	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	277.200,600	0	29.165,975	0	0	115.410,000	421.776,575	277.200,600	0	421.776,575	DT: 0368930334
47	47	Hồ bà Lâm Thị Sa Ruone	084150004533	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	463,100	0	0	0	0	6.840,000	7.303,100	463,100	0	7.303,100	DT: 0368312957
48	48	Hồ bà Lâm Thị Sa Ruone (thiền trang Ông Thạch Rùm sư dụng)	084077009063	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 6, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 6, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	54.940,500	0	5.247,000	8.750,000	0	119.019,574	187.957,074	54.940,500	0	187.957,074	DT: 0364486744
49	49	Hồ ông Lâm Miên (thiền trang bà Lâm Thị Sa Mết sư dụng)	084180013325	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 6, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 6, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	270.026,000	0	40.586,057	22.375,000	0	297.906,033	630.893,090	270.026,000	0	630.893,090	DT: 0399658548
50	50	Hồ ông Thạch Rùm (thiền trang bà Lâm Thị Sa Ruone sư dụng)	084150004533	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 6, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long (Ấp 6, xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long)	57.845,400	0	8.193,810	2.000,000	0	17.987,620	86.026,830	57.845,400	0	86.026,830	DT: 0368312957

TT Hộ	TT HS	Người có đất thu hồi/Chủ sở hữu tài sản	Số định danh cá nhân	Địa chỉ			Giá trị bồi thường, hỗ trợ							Ghi chú		
				Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay	Đất	Chi phí bồi thường, hỗ trợ			Số tiền được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận				
							Tài sản	Chi phí di chuyển tài sản	Các khoản hỗ trợ							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	Nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất	Cây trồng, vật nuôi	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
51	51	Hồ ông Trần Công Luân	084053006338	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	670.206.200	0	0	0	0	10.260.000	680.466.200	670.206.200	0	680.466.200	
52	52	Ông Thạch Sa Huy	084079006398	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	391.055.200	0	33.186.280	2.375.000	0	241.794.532	668.411.012	391.055.200	0	668.411.012	DT: 0354098562
53	53	Hồ bà Sơn Thị Nghĩa	084173005506	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	Ấp 6, Xã Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Long	68.328.300	0	1.403.000	3.812.500	0	98.791.240	172.335.040	68.328.300	0	172.335.040	DT: 0974435421
TỔNG SỐ TIỀN BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ:						6.330.100.000	0	291.764.195	106.812.500	0	3.469.307.555	10.197.984.250	6.330.100.000	0	10.197.984.250	

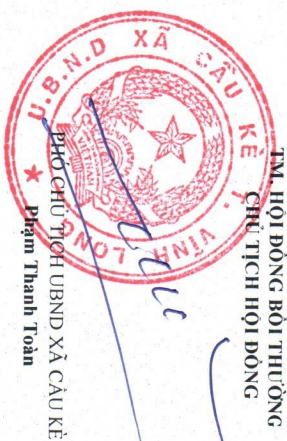
Bình chất: Một số nội dung bên trong cần được điều chỉnh để phù hợp với thực tế.

Bảng chi: Mời ủy, mời trấn chín mượn bảy triệu, chín trăm tám mươi bốn ngàn, hai trăm năm mươi đồng.

NGƯỜI LẬP DỰ TOÁN

[Signature]

Kim Duy Khánh



Phạm Thanh Toàn